



DSPACE

<https://dspace.org/>

Nhng vn lý lun và thc tin v hành vi khách quan trong cu thành ti phm: Chuyên dùng cho ào to trình i hc CSND, h Chính quy - Lu hành ni b

Nguyñ Nht V

2025

Trng i hc CSND

<https://library.dhcsnd.edu.vn/handle/123456789/98>

BỘ CÔNG AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT NHÂN DÂN



CHUYÊN ĐỀ

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ HÀNH VI
KHÁCH QUAN TRONG CẤU THÀNH TỘI PHẠM**

*(Dùng cho đào tạo trình độ Đại học Cảnh sát nhân dân,
hình thức chính quy)*

(Lưu hành nội bộ)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2025

ThS Nguyễn Nhất Vũ

CHUYÊN ĐỀ
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ HÀNH VI
KHÁCH QUAN TRONG CẤU THÀNH TỘI PHẠM

(Dùng cho đào tạo trình độ Đại học Cảnh sát nhân dân,
hình thức chính quy)

(Lưu hành nội bộ)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – 2025

BAN BIÊN SOẠN CHUYÊN ĐỀ

Chủ biên: ThS Nguyễn Nhất Vũ – Giảng viên chính Khoa Luật

Tham gia biên soạn:

ThS Nguyễn Nhất Vũ

Giảng viên chính Khoa Luật – Mục I và Mục II

thuvienso.dhcs.vn

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH TÀI LIỆU DẠY HỌC

(Thành lập theo Quyết định số 935/QĐ-T05, ngày 18 tháng 4 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học CSND)

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh trong hội đồng thẩm định
1.	PGS TS Nguyễn Giang Nam	Phó Hiệu trưởng	T05	Chủ tịch
2.	PGS TS Bùi Ngọc Hà	Trưởng phòng	T05	UV phản biện 1
3.	PGS TS Bùi Đức Hứa	Phó Trưởng phòng	T05	UV phản biện 2
4.	ThS Nguyễn Huy Thông	Cán bộ	T05	Thư ký
5.	PGS TS Phan Tiến Dũng	Phó Trưởng khoa	T05	Ủy viên
6.	TS Phan Thị Bích Hiền	Phó Trưởng khoa	T05	Ủy viên
7.	TS Ngô Quang Cảnh	Phó Trưởng khoa	T05	Ủy viên

LỜI NÓI ĐẦU

Trong khoa học pháp lý hình sự, hành vi khách quan (HVKQ) giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là dấu hiệu trung tâm và cơ bản của mặt khách quan trong cấu thành tội phạm (CTTP). Việc nhận thức đúng, đủ và áp dụng chuẩn xác quy định về HVKQ không chỉ giúp cơ quan tiến hành tố tụng phân định rạch ròi giữa hành vi phạm tội với hành vi không phạm tội, mà còn bảo đảm sự công bằng, minh bạch trong hoạt động tư pháp hình sự. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng những quy định liên quan đến HVKQ vẫn tồn tại nhiều vướng mắc, cả về lý luận lẫn thực tiễn. Điều này làm phát sinh nhu cầu hoàn thiện, nâng cao nhận thức và hiệu quả áp dụng, nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân.

Tuy nhiên, qua việc phân tích, đánh giá tình hình thực tiễn xác định hành vi khách quan trong CTTP làm cơ sở định tội danh cũng như định khung hình phạt vẫn còn có nhiều vướng mắc, bất cập cả về lý luận lẫn thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự. Trên cơ sở đánh giá một số hạn chế, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự có thể xác định nguyên nhân chủ quan, khách quan như: quy định của Bộ luật hình sự (BLHS), Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành còn có nhiều bất cập, một số quy định về hành vi khách quan trong CTTP chưa rõ ràng và cũng chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng cụ thể nên dẫn đến cách hiểu chưa thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng; do nguyên nhân chủ quan từ chính đội ngũ người tiến hành tố tụng, năng lực chuyên môn của một số cán bộ chưa đồng đều, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay. Điều này làm phát sinh nhu cầu hoàn thiện, nâng cao nhận thức và hiệu quả áp dụng, nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập môn Luật hình sự, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân tổ chức biên soạn Chuyên đề ***“Những vấn đề lý luận và thực tiễn về hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm”*** để dùng làm tài liệu tham khảo cho giảng viên, sinh viên Đại học Cảnh sát nhân dân. Với cách thức tiếp cận là tập trung phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận về hành vi khách quan trong CTTP; nghiên cứu những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu này trong việc định tội danh, định khung hình phạt và những vấn đề khác liên quan đến tội phạm. Đồng thời có những phân tích, đánh giá và đưa ra một số ý kiến trao đổi để thống nhất về mặt lý luận cũng như góp ý hoàn thiện quy định pháp luật hình sự giúp cho việc xác định hành vi khách quan trong CTTP được chính xác, hiệu quả. Từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự trong thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

Ngoài lời nói đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, chuyên đề được kết cấu thành 02 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về cấu thành tội phạm và hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm

Chương 2: Thực tiễn xác định hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm và một số kiến nghị, đề xuất

Trong quá trình thực hiện, chúng tôi xin cảm ơn các tập thể, cá nhân đã góp ý, chỉnh sửa, bổ sung để hoàn thiện chuyên đề. Đồng thời trong thời gian tới sẽ tiếp tục nghiên cứu, phát triển thêm để trở thành một tài liệu tham khảo có giá trị phục vụ cho quá trình nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CSND

Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CẤU THÀNH TỘI PHẠM VÀ HÀNH VI KHÁCH QUAN TRONG CẤU THÀNH TỘI PHẠM

I. NHẬN THỨC CHUNG VỀ CẤU THÀNH TỘI PHẠM

1. Khái niệm

Trong khoa học Luật Hình sự, có rất nhiều định nghĩa về CTTP. Chẳng hạn như, CTTP là hệ thống các dấu hiệu khách quan và chủ quan được quy định trong pháp luật hình sự đặc trưng cho hành nguy hiểm cho xã hội là tội phạm. Hoặc CTTP là sự mô tả tội phạm trong luật qua các dấu hiệu thuộc bốn yếu tố có tính đặc trưng, phản ánh được đầy đủ nội dung chính trị - xã hội của tội phạm. Cũng có quan điểm cho rằng, CTTP là hệ thống các dấu hiệu cần và đủ đặc trưng cho từng tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS. Ngoài ra, cũng có quan điểm định nghĩa, CTTP là sự tổng hợp những dấu hiệu pháp lý đặc trưng không thể thiếu được của một hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm.

Dù các quan điểm định nghĩa về CTTP là khác nhau nhưng chúng đều có những điểm chung ở chỗ xem CTTP là hệ thống các dấu hiệu có tính đặc trưng cho hành vi bị coi là tội phạm. Do vậy, có thể khái quát thành một khái niệm chung nhất sau đây:

CTTP là tổng hợp các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của những tội phạm cụ thể được quy định trong Luật hình sự.

CTTP được xem như là sự mô tả khái quát đối với từng loại tội phạm cụ thể. Chúng ta có thể hình dung rằng, tội phạm là hiện tượng xã hội cụ thể và CTTP là khái niệm pháp lý mô tả hiện tượng đó. Hay nói khác đi, quan hệ giữa chúng là quan hệ giữa hiện tượng và khái niệm. Nói như thế không có nghĩa là mọi tội phạm đều phải thỏa mãn hết tất cả các yếu tố của CTTP. Có hai loại nhóm dấu hiệu CTTP là nhóm dấu hiệu CTTP bắt buộc và nhóm dấu hiệu CTTP không bắt buộc.

- Nhóm các dấu hiệu CTTP bắt buộc bao gồm: Dấu hiệu hành vi (mặt khách quan của tội phạm); dấu hiệu quan hệ xã hội bị xâm hại (khách thể của tội phạm); dấu hiệu lỗi (mặt chủ quan của tội phạm); dấu hiệu năng lực TNHS và độ tuổi (chủ thể của tội phạm).

Đây là những dấu hiệu mà thiếu một trong số chúng, hành vi sẽ không CTTP. Chẳng hạn, một người có đủ năng lực TNHS, đủ tuổi chịu TNHS, thực hiện một hành vi gây nguy hiểm cho xã hội nhưng không có lỗi thì hành vi của anh ta không bị coi là tội phạm.

- Nhóm các dấu hiệu CTTP không bắt buộc bao gồm: Hậu quả của tội phạm; động cơ, mục đích của tội phạm; dấu hiệu đặc biệt của chủ thể đặc biệt.

Những dấu hiệu của CTTP không bắt buộc chỉ có ở những tội phạm cụ thể được quy định trong Luật Hình sự chứ không bắt buộc có ở mọi tội phạm. Ví dụ: Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 357 BLHS) cần có dấu hiệu “vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác” mới CTTP.

Các dấu hiệu của CTTP cụ thể có thể được tìm thấy cả trong phần quy định chung và phần quy định các tội phạm cụ thể của BLHS. Đa số các dấu hiệu CTTP cụ thể được tìm thấy trong các quy định của phần các tội phạm cụ thể, như dấu hiệu hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, quan hệ xã hội bị xâm hại, dấu hiệu lỗi mục đích, động cơ phạm tội, dấu hiệu chủ thể đặc biệt của tội phạm đó. Chẳng hạn, Điều 266 quy định tội “Đua xe trái phép” với các dấu hiệu CTTP là: quan hệ xã hội bị xâm hại (an toàn công cộng, sức khỏe, sở hữu tài sản), hành vi phạm tội (đua xe trái phép), lỗi (cố ý). Ngoài ra, các dấu hiệu cấu thành của tội phạm cụ thể còn được tìm thấy trong phần chung BLHS, như: dấu hiệu tuổi chịu TNHS, năng lực TNHS, nội dung các loại lỗi. Ví dụ, trong tội phạm trên, dấu hiệu CTTP được tìm thấy trong phần chung tại Điều 21 BLHS là chủ thể phải có năng lực TNHS, tại Điều 12 yêu cầu chủ thể phải đủ 16 tuổi hoặc đủ 14 tuổi (nếu tội phạm được định khung tại Khoản 2,3,4 Điều 266).

2. Đặc điểm của cấu thành tội phạm

- CTTP là tổng hợp các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của mỗi tội phạm cụ thể.

Bất kỳ CTTP nào cũng phải có 04 yếu tố. Trong mỗi yếu tố đó còn chứa đựng các dấu hiệu khác nhau. Mỗi dấu hiệu trong mỗi yếu tố CTTP là bắt buộc của mỗi tội phạm cụ thể. Nếu thiếu một trong các dấu hiệu đó thì sẽ không cấu thành nên tội phạm. Do vậy, CTTP phải là tổng hợp các dấu hiệu pháp lý của mỗi tội phạm.

Các dấu hiệu trong CTTP phản ánh đúng bản chất xã hội của tội phạm đó (xác định một loại tội phạm cụ thể).

Mặt khác, những dấu hiệu pháp lý đặc trưng này cho phép phân loại rõ ràng tội phạm này với tội phạm khác (một tội phạm có một cấu thành độc lập, không thể nhầm lẫn với tội phạm khác). Ví dụ: Dấu hiệu “dùng vũ lực” có thể thấy ở nhiều CTTP như CTTP cướp tài sản, CTTP hiếp dâm. Nhưng trong sự kết hợp với những dấu hiệu khác của CTTP, những dấu hiệu đó vẫn có tính riêng biệt. Dùng vũ lực trong tội cướp tài sản khác với dùng vũ lực trong tội “Hiếp dâm”. Dùng vũ lực trong tội “Cướp tài sản” là nhằm để chiếm đoạt tài sản, còn dùng vũ lực trong tội “Hiếp dâm” nhằm mục đích giao cấu.

- Các dấu hiệu trong CTTP có tính chất bắt buộc.

Dấu hiệu pháp lý đặc trưng của CTTP chính là dấu hiệu bắt buộc của CTTP. Nói khác, để xác định một CTTP cụ thể thì hành vi phạm tội phải thỏa mãn các dấu hiệu vừa là đặc trưng điển hình vừa là bắt buộc của CTTP đó, các dấu hiệu này không thể bị thay đổi và nếu thiếu dấu hiệu đó sẽ không CTTP hoặc CTTP khác.

Trong các dấu hiệu bắt buộc có hai loại: Dấu hiệu bắt buộc chung cho mọi CTTP được quy định trong BLHS (nếu thiếu các dấu hiệu này sẽ không CTTP). Các dấu hiệu đó là: hành vi, lỗi, năng lực TNHS, độ tuổi; dấu hiệu bắt buộc riêng của CTTP: nghĩa là trong CTTP này là bắt buộc, nhưng với CTTP khác không phải là bắt buộc và các dấu hiệu này đều do Luật Hình sự quy định.

Ngoài ra, trong các CTTP còn có dấu hiệu không bắt buộc trong một CTTP nói chung (thời gian, địa điểm, hoàn cảnh, công cụ, phương tiện, thủ đoạn, phương pháp, động cơ, mục đích...) là những dấu hiệu bổ sung phản ánh tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, giúp cho việc xác định TNHS và quy định hình phạt chính xác. Những dấu hiệu này chỉ trở thành dấu hiệu bắt buộc khi được quy định trong từng CTTP cụ thể mà luật quy định.

- Các dấu hiệu trong CTTP đều do Luật hình sự quy định

Trong Luật hình sự Việt Nam, tội phạm do BLHS quy định, cho nên các dấu hiệu của CTTP cũng phải do BLHS quy định.

Tội phạm và CTTP là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Khái niệm tội phạm chỉ nhằm xác định một hành vi nguy hiểm cho xã hội có phải là tội phạm hay không chứ chưa xác định tội được tội phạm xảy ra là tội phạm gì?

Còn khái niệm CTTP chỉ ra những đặc trưng pháp lý của tội phạm đã xảy ra là tội phạm cụ thể nào, mức độ nguy hiểm của tội phạm đó đến đâu, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được coi là tội phạm có chịu TNHS hay không?

Cho nên có thể nói: khái niệm CTTP cụ thể hóa khái niệm tội phạm. Dựa vào khái niệm tội phạm để xác định nên khái niệm CTTP cụ thể.

Những dấu hiệu CTTP được quy định trong cả hai phần: Phần chung và Phần các tội phạm của BLHS. Ở phần chung, các dấu hiệu của CTTP được quy định ở dạng chung nhất như là: Các quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ (Điều 8), tuổi chịu TNHS (Điều 12), lỗi (Điều 10, Điều 11); trong phần tội phạm cụ thể, các dấu hiệu của CTTP được quy định cụ thể ngay trong chính từng điều luật.

3. Các yếu tố cấu thành tội phạm

Mặc dù mỗi tội phạm có thể khác nhau về tính chất và mức độ thể hiện, nhưng trong tất cả các tội phạm có thể rút ra được bốn yếu tố cấu thành chung nhất mà bất kỳ một tội phạm nào cũng phải có, đó là:

- Khách thể của tội phạm: Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội bị tội phạm xâm hại. Nếu quan hệ xã hội không bị xâm hại thì không có hành vi nguy hiểm cho xã hội và tất yếu không có tội phạm. Do đó, khi đề cập đến tội phạm thì trước tiên cần phải xác định quan hệ xã hội mà luật hình sự bảo vệ bị xâm hại.

- Mặt khách quan của tội phạm: Mặt khách quan của tội phạm là những biểu hiện bên ngoài của tội phạm, bao gồm: hành vi khách quan, hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, công cụ, phương tiện, hoàn cảnh phạm tội... Thông qua biểu hiện bên ngoài ở mặt khách quan của tội phạm có thể đánh giá được tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm. Mặt khách quan của tội phạm bao gồm:

+ Hành vi khách quan: Hành vi là dấu hiệu bắt buộc ở tất cả các tội phạm. Hành vi bao gồm hành vi hành động (ví dụ: hành vi của tội giết người, tội cướp tài sản...) và hành vi không hành động (ví dụ: hành vi của tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng...)

+ Hậu quả: Hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc ở tất cả tội phạm. Ví dụ: Tội hiếp dâm thì hậu quả không phải là dấu hiệu định tội, Tội vứt bỏ con mới đẻ thì hậu quả là dấu hiệu định tội.

+ Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả của tội phạm.

- Mặt chủ quan của tội phạm: Mặt chủ quan của tội phạm là những biểu hiện tâm lý bên trong của tội phạm được phản ánh qua hình thức động cơ, mục đích của tội phạm. Mặt chủ quan của tội phạm bao gồm:

+ Lỗi: Lỗi là dấu hiệu bắt buộc ở tất cả các tội phạm. Lỗi bao gồm:

Lỗi cố ý trực tiếp: Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra;

Lỗi cố ý gián tiếp: Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.

Lỗi vô ý vì quá tự tin: Người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được.

Lỗi vô ý do cấu thả: Người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó.

- Chủ thể của tội phạm: Chủ thể của tội phạm là người thực hiện hành vi phạm tội. Người phạm tội (chủ thể của tội phạm) phải là người có đủ năng lực TNHS và đạt độ tuổi nhất định mà BLHS quy định đối với mỗi loại tội phạm.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI KHÁCH QUAN TRONG CẤU THÀNH TỘI PHẠM

1. Khái niệm và đặc điểm của hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm

Về mặt lý luận, khi nghiên cứu tội phạm, người ta luôn đề cập bốn yếu tố cấu thành: mặt khách quan, mặt chủ quan, khách thể và chủ thể của tội phạm. Trong đó, mặt khách quan của tội phạm được coi là yếu tố vật chất, hiện diện thực tế nhất, phản ánh chính hành vi nguy hiểm cho xã hội. Mặt khách quan của tội phạm là những biểu hiện bên ngoài của tội phạm tác động vào quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ nhằm gây nên hoặc đe dọa gây nên những thiệt hại nhất định cho quan hệ xã hội đó¹. Mặt khách quan trong cấu thành tội phạm bao gồm có các dấu hiệu: hành vi khách quan, hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi khách quan và hậu quả nguy hiểm cho xã hội và những dấu hiệu khác trong mặt khách quan của tội phạm. Trong khoa học pháp lý hình sự, hành vi khách quan (HVKQ) giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là dấu hiệu trung tâm của mặt khách quan trong cấu thành tội phạm. Việc nhận thức đúng, đủ và áp dụng chuẩn xác quy định về HVKQ không chỉ giúp cơ quan tiến hành tố tụng phân định rạch ròi giữa hành vi phạm tội với hành vi không phạm tội, mà còn bảo đảm sự công bằng, minh bạch trong hoạt động tư pháp hình sự. Nói đến hành vi khách quan cũng chính là nói đến hành vi trung tâm của cấu thành tội phạm – nơi hội tụ ý chí phạm tội, công cụ, phương tiện, phương pháp thực hiện, hậu quả và cả mối liên hệ nhân quả dẫn đến thiệt hại (hoặc đe dọa thiệt hại).

Trong thực tiễn và lý luận, có hai chiều hướng tiếp cận hành vi khách quan. Ở nghĩa rộng, hành vi khách quan của tội phạm được xem là sự thống nhất giữa các yếu tố khách quan (biểu hiện bên ngoài) và yếu tố chủ quan (ý chí, nhận thức, lỗi...). Ở nghĩa hẹp, hành vi khách quan được coi là chuỗi hành động (hay không hành động) nhằm đạt mục đích đã định trước, được ý chí chỉ đạo và ý thức kiểm soát, thể hiện ra dưới hình thức cụ thể trong thế giới khách quan. Cách hiểu

¹ Cục Đào tạo – Bộ Công an (2021), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phân những quy định chung)*, dùng chung đào tạo trình độ đại học trong Công an nhân dân, Nxb Lao Động, Hà Nội, tr.80

nghĩa rộng giúp ta nhìn thấy vai trò gắn kết các mặt của tội phạm (khách quan, chủ quan) trong một thể thống nhất; còn nghĩa hẹp đi sâu khẳng định: chỉ khi có biểu hiện thực tế (dù là hành động hay không hành động) mới thành “hành vi khách quan” đúng nghĩa.

Trong mặt khách quan của tội phạm, dấu hiệu hành vi khách quan là dấu hiệu cơ bản. Những biểu hiện khác của mặt khách quan của tội phạm chỉ có ý nghĩa khi có hành vi khách quan. Không thể nói tới hậu quả thiệt hại cũng như những biểu hiện khách quan khác như công cụ, phương tiện, địa điểm, thời gian phạm tội... khi không có hành vi khách quan. Hành vi khách quan được hiểu là hành vi nguy hiểm đáng kể, có lỗi và được quy định trong BLHS². Một tội phạm chỉ có thể được xác lập khi có hành vi (hoặc không hành vi) vi phạm. Mọi yếu tố khác – như hậu quả, công cụ, phương tiện, phương pháp phạm tội – đều phải xoay quanh cốt lõi là hành vi đó. Nếu không có hành vi bị luật hình sự cấm, thì những vấn đề như hậu quả thiệt hại, phương tiện phạm tội, hay động cơ, mục đích... trở nên vô nghĩa trong việc cấu thành một tội phạm cụ thể. Nói cách khác, hành vi khách quan là “nền tảng” để khởi động toàn bộ quá trình đánh giá về trách nhiệm hình sự, vì nó chính là biểu hiện đầu tiên, dễ nhận diện nhất, gắn kết chặt chẽ với ý chí, lỗi và mục đích của người thực hiện. Khi người phạm tội sử dụng dao để đâm nạn nhân, chính hoạt động cầm dao, vung dao, đâm dao vào thân thể người khác là hành vi khách quan, cụ thể, trực tiếp xâm hại đến quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ (cụ thể ở đây là tính mạng, sức khỏe con người). Tương tự, khi người có trách nhiệm phải hành động (như cha mẹ với con cái) nhưng lại cố tình không hành động (bỏ mặc con trong tình trạng nguy hiểm), thì việc “không hành động” đó cũng được coi là hành vi khách quan dưới dạng “không thực hiện nghĩa vụ phải làm”. Nếu thiếu đi biểu hiện của sự xử sự (hoặc không xử sự) trong thực tế, chúng ta không thể nói đến việc xâm phạm lợi ích được luật bảo vệ, từ đó không thể quy kết thành một tội phạm cụ thể.

Mỗi hành vi khách quan đều xuất phát từ một trạng thái tâm lý nhất định của người thực hiện, bao gồm ý chí, nhận thức, động cơ, mục đích. Hành vi khách quan không bao giờ tồn tại độc lập với mặt chủ quan. Khi người phạm tội quyết định thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, họ đã có quá trình cân nhắc (có khi diễn ra nhanh chóng), và quyết định này được triển khai dưới dạng các cử chỉ, động tác, lời nói hoặc không thực hiện một nghĩa vụ. Đó là lúc “ý thức kiểm soát và ý chí điều khiển” chuyển hóa thành “hành vi khách quan”.

² Cục Đào tạo – Bộ Công an (2021), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần những quy định chung)*, dùng chung đào tạo trình độ đại học trong Công an nhân dân, Nxb Lao Động, Hà Nội, tr.81

Tuy vậy, có trường hợp về mặt thực tế có một “chuỗi động tác” hoặc “biểu hiện” của con người, nhưng chuỗi động tác đó lại không phải là hành vi khách quan của tội phạm, vì không chịu sự điều khiển của ý chí, không có lỗi hay thậm chí nằm ngoài năng lực kiểm soát của con người. Ví dụ, phản xạ co người trước một cú va chạm bất ngờ, phản ứng vô thức trong cơn động kinh, hoặc trạng thái thần kinh bị tê liệt khiến họ không thể kiểm soát hành động. Tất cả những biểu hiện này, dù có vẻ là “biểu hiện bên ngoài”, song không được coi là hành vi khách quan theo nghĩa của luật hình sự, bởi chúng không mang tính ý chí.

Ngoài ra, hành vi khách quan gắn liền với vấn đề xác định dấu hiệu lỗi trong cấu thành tội phạm. Lỗi là thái độ tâm lý của con người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội do mình thực hiện và hậu quả do hành vi đó gây ra được biểu hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý³. Lỗi xuất hiện và được đặt ra khi con người thực hiện một hành vi mang tính nguy hiểm cho xã hội dưới sự điều khiển của ý chí. Nếu người thực hiện không còn khả năng nhận thức hoặc không có khả năng điều khiển hành vi thì biểu hiện ra bên ngoài có thể gây thiệt hại nhưng không phải là hành vi phạm tội. Khoa học hình sự đòi hỏi phải phân tích sâu về yếu tố lỗi để xác định tội danh cũng như mức độ xử lý.

Mặc dù vậy, không phải mọi hành vi đều có lỗi. Có những hành vi gây hậu quả nghiêm trọng nhưng lại không xuất phát từ lỗi của cá nhân (chẳng hạn do bị cưỡng bức, bị đe dọa, hoàn toàn mất khả năng kháng cự). Thông qua ví dụ “một người bị người khác giữ chặt” khiến họ không thể cứu người bị nạn, hoặc bị người khác nắm tay để “điễm chỉ” vào văn bản sai sự thật – điều này cho thấy hành vi ấy chỉ là hệ quả của ngoại lực, không có sự tự do ý chí, do đó không thể quy kết thành hành vi khách quan của tội phạm.

Qua những trường hợp trên, một lần nữa chúng ta thấy rõ: để có được cơ sở xác định hành vi khách quan theo quy chuẩn pháp lý, phải đảm bảo đó là hoạt động có ý thức, có ý chí, do con người chủ động quyết định, chứ không phải biểu hiện máy móc hay bị ép buộc.

Từ những luận giải vừa nêu, có thể kết luận: *hành vi quan của tội phạm có thể được hiểu là tất cả những xử sự của con người được biểu hiện ra thế giới khách quan dưới những hình thức nhất định, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây ra thiệt hại cho các quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ.*

Hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm có các đặc điểm như sau:

Một là, hành vi khách quan là hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội.

³ Cục Đào tạo – Bộ Công an (2021), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phân những quy định chung)*, dùng chung đào tạo trình độ đại học trong Công an nhân dân, Nxb Lao Động, Hà Nội, tr.92

Một trong những căn cứ không thể thiếu để đánh giá xem một xử sự nào đó có phải là hành vi phạm tội hay không, chính là tính nguy hiểm cho xã hội. Luật hình sự Việt Nam và lý luận khoa học hình sự đều thống nhất rằng, tội phạm là hành vi nguy hiểm, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho các quan hệ xã hội cốt lõi, được Bộ luật Hình sự bảo vệ (chẳng hạn quan hệ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, tài sản, an ninh quốc gia...).

Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm về khách quan có nghĩa là gây ra hoặc đe dọa gây ra những thiệt hại cho các quan hệ xã hội. Đây là các quan hệ xã hội gắn liền với lợi ích của Nhà nước, của công dân và toàn xã hội và khi bị xâm hại, có thể làm ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các quan hệ xã hội. Những quan hệ xã hội đó được quy định rất cụ thể tại Khoản 1 Điều 8 Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành. Theo nghĩa đầy đủ, tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm còn bao hàm cả yếu tố chủ quan tức là lỗi. Tuy nhiên, để nhấn mạnh sự thừa nhận lỗi là một nguyên tắc cơ bản, Luật Hình sự nước ta từ trước đến nay vẫn luôn xem lỗi là một dấu hiệu độc lập của tội phạm.

Bên cạnh đó, hành vi khách quan phải chứa đựng tính chất, mức độ nguy hiểm đáng kể. Bất kỳ một hành vi vi phạm các chuẩn mực chung của xã hội nào cũng có tính nguy hiểm, có nghĩa là có khả năng gây ra hoặc đe dọa gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội. Tuy nhiên, so với các hành vi vi phạm khác, tội phạm có tính nguy hiểm “đáng kể” hơn cả. Ví dụ, hành vi chửi mắng ông bà, cha mẹ bị xem là hành vi vi phạm đạo đức. Hành vi này về bản chất cũng có tính nguy hiểm nhất định cho xã hội vì nó đã xâm phạm đến quan hệ tình cảm giữa những người thân trong gia đình. Tuy nhiên, hành vi này chưa phải là tội phạm vì mức độ nguy hiểm vẫn còn hạn chế, chưa “đáng kể”. Trong trường hợp hành vi chửi mắng này diễn ra một cách liên tục, kèm theo những hành vi đối xử tàn ác về vật chất, tinh thần đối với ông bà, cha mẹ, dẫn đến hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính mà còn vi phạm thì hành vi đó bị coi là tội phạm. Bởi vì, trong trường hợp đó, tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi đã “đáng kể”.

Theo Khoản 4 Điều 8 Bộ luật Hình sự đã quy định: *“Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng có tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác”*. Như vậy, hành vi nguy hiểm cho xã hội được coi là tội phạm phải có tính chất nguy hiểm cho xã hội “đáng kể”. Để xác định sự nguy hiểm “đáng kể” phải căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cụ thể là dựa vào các căn cứ sau: Căn cứ vào tầm quan trọng của các quan hệ xã hội bị xâm phạm; căn cứ vào tính chất nguy hiểm của hành vi khách quan; căn cứ vào mức độ thiệt hại cho quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ; căn cứ vào tính chất, mức độ lỗi của người thực hiện hành vi; căn

cứ vào động cơ, mục đích phạm tội; căn cứ vào tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở nơi và lúc xảy ra tội phạm và yêu cầu đấu tranh chống tội phạm; căn cứ vào đặc điểm nhân thân của người phạm tội; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Hai là, hành vi khách quan là hành vi có lỗi.

Tức là hành vi khách quan của tội phạm là hoạt động có ý thức và ý chí. Hành vi được thực hiện chỉ được coi là hành vi khách quan của tội phạm khi nó được biểu hiện trong sự thống nhất với ý thức vô ý chí. Không có sự kiểm soát của ý thức và ý chí thì hành vi không được coi là hành vi khách quan của tội phạm. Theo quan điểm thống nhất của lý luận luật Hình sự, lỗi là thái độ chủ quan của một người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và đối với hậu quả của hành vi đó thể hiện dưới dạng cố ý hoặc vô ý.

Hoạt động tâm lý của con người được hình thành theo một quá trình từ nhu cầu, động cơ, mục đích, nhận thức các điều kiện khách quan, lựa chọn thực hiện hành vi. Hoạt động này luôn có sự tham gia của nhận thức và ý chí. Vì vậy, bất kỳ hành vi nào được biểu hiện ra thế giới khách quan cũng có sự thúc đẩy của một động cơ nào đó, nhằm đạt mục đích nhất định (ngoại trừ những hành vi được thực hiện bởi người đã mất những chức năng này). Cho nên, hành vi của con người, dù được quyết định bởi các điều kiện khách quan nhưng đó là một quá trình diễn ra rất phức tạp, không chỉ đơn thuần phụ thuộc vào các điều kiện khách quan đó mà còn chịu ảnh hưởng của nhận thức và ý chí, với tư cách là những yếu tố độc lập tương đối và không kém phần quan trọng, mặc dù, suy cho cùng, nhận thức và ý chí cũng được quyết định bởi các yếu tố khách quan nhất định.

Ăngghen từng viết: *“Tự do không bao hàm một sự độc lập trừu tượng đối với các quy luật của tự nhiên mà tự do được thể hiện trong sự nhận thức các quy luật đó và trên cơ sở hiểu biết các quy luật của tự nhiên để có thể lần lượt bắt các quy luật đó tác động theo những mục tiêu đã được xác định”*⁴. Điều này cho thấy, sự ảnh hưởng của các điều kiện khách quan đối với hành vi của con người phải gián tiếp thông qua sự nhận thức và ý chí của người thực hiện. Do đó, tội phạm một khi được thực hiện thì đó không phải là sự phản ứng trực diện của con người đối với hoàn cảnh mà là sự tương tác giữa điều kiện khách quan và bản thân người phạm tội. Vì vậy, trách nhiệm hình sự phải là hệ quả tất yếu của quá trình tương tác đó. Nói cách khác, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chỉ có thể phải chịu hình phạt khi hành vi đó có tính cố lỗi. Cần phải lưu ý phân biệt giữa “lỗi” và “tính cố lỗi”. Lỗi là thái độ tâm lý, cho nên nó phải đi kèm với người

⁴ Mác-Ăngghen, tuyển tập, tập II, trang 116.

thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Ví dụ, chúng ta có thể nói: anh A có lỗi. Đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội, chúng ta có thể khẳng định rằng nó có tính có lỗi hay không chứ không thể khẳng định một hành vi là có lỗi hay không.

Trở lại vấn đề một hành vi như thế nào bị xem là có tính có lỗi? Hành vi bị xem là có tính có lỗi nếu hành vi đó là kết quả của sự tự lựa chọn và quyết định của chủ thể trong khi có đủ điều kiện lựa chọn và quyết định một xử sự khác phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Như đã phân tích, bất kỳ một hoạt động tâm lý nào của con người cũng có sự tham gia của nhận thức và ý chí. Mọi hành vi đều xuất phát từ những động cơ và mục đích nhất định. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, hành vi được thực hiện dưới sự tác động của các yếu tố xúc cảm về tâm lý khác nhau (bình tĩnh, bị kích động, thỏa mãn, bức bối...). Vì vậy, khi nghiên cứu về tội phạm, về lỗi, nhà làm luật cần kết hợp các yếu tố này trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Có như vậy, việc đánh giá lỗi mới chính xác và khách quan được.

Một người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là có lỗi khi người đó phải có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Năng lực trách nhiệm hình sự, theo quan điểm của pháp luật hình sự nói chung được hiểu là khả năng và điều kiện của một người phải gánh chịu những hậu quả pháp lý bất lợi về hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm mà họ thực hiện. Tuy nhiên, không phải ai đạt đến độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự là người là người có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, vì khả năng này còn đòi hỏi sự hoàn thiện của bộ não. Nếu hoạt động của bộ não bị hạn chế hoặc bị tê liệt do bệnh tật hoặc bẩm sinh thì khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi sẽ bị hạn chế hoặc không có. Do vậy, ngoài việc quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Bộ luật còn quy định tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự.

Ba là, hành vi khách quan phải được quy định trong BLHS.

Trong khoa học luật hình sự, nguyên tắc “Không có tội nếu không có luật” (*nullum crimen sine lege*) là một nguyên tắc nền tảng. Nguyên tắc này đòi hỏi mọi hành vi bị coi là tội phạm đều phải được luật hình sự (cụ thể là Bộ luật Hình sự – BLHS) mô tả và quy định rõ ràng. Đặc điểm này dẫn đến hệ quả: mặc dù một hành vi nhất định có thể rất nguy hiểm cho xã hội, nhưng nếu hành vi đó chưa được “diễn hình hóa” thành tội phạm trong BLHS, thì không thể kết tội người thực hiện hành vi ấy. Các biện pháp xử lý, nếu có, thường sẽ do ngành luật khác điều chỉnh (ví dụ xử lý hành chính, dân sự, kỷ luật), chứ không thể truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trước hết, đây là nguyên tắc bảo đảm tính pháp chế và quyền con người. Bộ luật Hình sự chỉ ra ranh giới cụ thể giữa những hành vi bị nghiêm cấm về mặt hình sự và những hành vi khác. Nếu một hành vi, dù nguy hiểm, nhưng chưa được quy định trong BLHS, người dân không có nghĩa vụ phải biết hay dự liệu rằng hành vi đó bị coi là tội phạm⁵. Điều này tránh tình trạng áp dụng pháp luật hình sự một cách tùy tiện, không dựa vào quy định rõ ràng, gây oan sai hoặc xâm phạm quyền tự do của công dân. Ngược lại, nhà nước muốn “nâng” một hành vi nguy hiểm nào đó lên mức tội phạm phải trải qua quy trình lập pháp: sửa đổi, bổ sung BLHS hoặc ban hành luật mới, nhằm thông qua ý chí và sự chấp thuận chung về mặt chính sách hình sự.

Thứ hai, đặc điểm này phản ánh chức năng phòng ngừa tội phạm của BLHS. Bằng việc mô tả cụ thể một hành vi bị cấm kèm chế tài, luật hình sự cảnh báo và răn đe những ai có ý định thực hiện hành vi đó, đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan tiến hành tố tụng (công an, viện kiểm sát, tòa án) khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử khi hành vi xảy ra. Do đó, việc một hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng chưa được quy định trong luật hình sự sẽ khiến các cơ quan này không có căn cứ để xử lý về mặt hình sự⁶. Điều này thúc đẩy nhà làm luật phải theo dõi sát diễn biến xã hội, kịp thời phát hiện các hành vi nguy hiểm mới (chẳng hạn tội phạm công nghệ cao, rửa tiền, khủng bố...) và bổ sung vào BLHS.

Thứ ba, đặc điểm “hành vi phải được mô tả trong BLHS” giúp bảo đảm sự phân biệt giữa tội phạm và vi phạm hành chính, vi phạm dân sự, vi phạm kỷ luật. Khi xem xét một hành vi nguy hiểm đến mức nào, nhà làm luật cân nhắc: nếu mức độ nguy hiểm đủ lớn, gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đe dọa nghiêm trọng lợi ích công cộng, thì đưa hành vi ấy vào BLHS; ngược lại, hành vi ấy có thể chỉ bị xử phạt hành chính hoặc yêu cầu bồi thường dân sự[14]. Nhờ vậy, giới hạn giữa “xử lý hình sự” và “xử lý phi hình sự” vẫn rõ ràng, bảo đảm tính phân hóa trách nhiệm.

Tóm lại, yêu cầu “hành vi khách quan phải được quy định trong Bộ luật Hình sự” thể hiện rõ vai trò của nguyên tắc pháp chế: không thể coi là tội phạm bất kỳ hành vi nào không được BLHS mô tả⁷. Đây là cơ sở pháp lý và chính trị bảo vệ quyền con người, phòng ngừa việc hình sự hóa tràn lan, đồng thời đặt trách nhiệm cho nhà làm luật luôn phải xem xét, cân nhắc bổ sung các hành vi

⁵ Nguyễn Mạnh Hùng (2018), *Các nguyên tắc cơ bản trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Pháp luật, số 5, tr.13-15

⁶ Nguyễn Ngọc Chí (2021), *Phân tích trách nhiệm hình sự dưới góc độ cấu thành tội phạm*, Tạp chí Luật học, số 3, tr.29-32

⁷ Lê Cẩm (2010), *Giáo trình Luật Hình sự*, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.25-26

mới phát sinh và đủ độ nguy hiểm vào BLHS để kịp thời ngăn chặn, xử lý bằng chế tài hình sự.

2. Ý nghĩa của việc xác định hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm

Việc xác định hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm có nhiều ý nghĩa không những về mặt lý luận pháp lý mà cả trong các hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật. Điều đó được thể hiện qua các nội dung sau:

Một là, tính nguy hiểm cho xã hội trong hành vi khách quan của cấu thành tội phạm quy định các đặc điểm khác của tội phạm.

Trong hệ thống pháp luật hình sự, “tính nguy hiểm cho xã hội” là yếu tố quyết định để xác định liệu một hành vi có được coi là tội phạm hay không. Theo đó, hành vi khách quan của cấu thành tội phạm phải thể hiện được những đặc điểm gây hại rõ ràng đối với trật tự, an ninh xã hội. Nếu một hành vi không có tính nguy hiểm đối với xã hội, thì theo nguyên tắc “nullum crimen sine lege” nghĩa là không có tội phạm nếu không có luật⁸, hành vi đó sẽ không bị truy cứu hình sự, bất kể nó có thể có những dấu hiệu thuộc về mặt chủ quan như có lỗi hay không.

Tính nguy hiểm cho xã hội được xác định qua các tiêu chí khách quan như hậu quả gây ra, mức độ xâm hại đến quyền lợi của cá nhân hoặc tập thể, cũng như mức độ đe dọa đến trật tự công cộng. Quan trọng hơn, khi tính nguy hiểm cho xã hội không được xác định rõ ràng, việc xét đến các yếu tố khác như tính có lỗi (tâm lý phạm tội) hay yếu tố trái pháp luật sẽ không còn ý nghĩa trong việc xác định tội phạm. Như vậy, “tính nguy hiểm cho xã hội” không chỉ là tiêu chí để đánh giá mức độ vi phạm mà còn là điều kiện tiên quyết, quyết định rằng liệu hành vi đó có thể được truy cứu trách nhiệm hình sự hay không. Nếu hành vi không thể làm thiệt hại đáng kể đến các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ thì dù có thể tồn tại những dấu hiệu thuộc về mặt chủ quan, chủ thể, hành vi ấy cũng không bị coi là tội phạm. Do đó không cần thiết phải xét đến tính có lỗi hay yếu tố trái pháp luật của hành vi đó.

Hai là, hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm là cơ sở xây dựng và xác định tội phạm.

Hành vi khách quan được thể hiện dưới hai dạng là hành động hoặc không hành động mà người phạm tội thực hiện, là “hình ảnh” rõ nét của một vi phạm pháp luật. Nó là mặt khách quan của tội phạm, được nhận diện qua các dấu hiệu,

⁸ Lê Văn Cẩm (Chủ biên) (2005), *Sách chuyên khảo sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội

biểu hiện cụ thể và có thể xác định được bằng các nguồn chứng cứ như vật chứng, lời khai của người làm chứng, hình ảnh giám sát, tài liệu chứng cứ khác... Việc xây dựng và xác định tội phạm không thể tách rời khỏi việc đánh giá các hành vi khách quan này.

Khi xem xét một vụ án, các cơ quan điều tra và xét xử sẽ ưu tiên thu thập và đánh giá các chứng cứ khách quan để có thể xác định chính xác hành vi phạm tội. Những chứng cứ này không chỉ giúp cho việc truy tố người phạm tội được chính xác mà còn đảm bảo tính khách quan trong quá trình xét xử. Nếu hành vi khách quan được chứng minh rõ ràng, các yếu tố chủ quan như ý thức phạm tội hay động cơ phạm tội sẽ được đánh giá bổ trợ, từ đó giúp xác định đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật hình sự.

Thông qua việc xác định đặc điểm hành vi khách quan giúp nhà làm luật xây dựng nên cấu trúc của những tội phạm cụ thể. Từ đó dựa trên kỹ thuật lập pháp để xây dựng các quy định trong luật hình sự về từng tội phạm đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, phản ánh đúng bản chất pháp lý của tội phạm đó.

Ba là, hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm là một căn cứ, tiêu chuẩn để phân biệt giữa tội phạm và vi phạm pháp luật khác và là cơ sở định tội danh.

Một trong những vai trò quan trọng của hành vi khách quan là làm tiêu chuẩn để phân biệt giữa các hành vi được coi là tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, như vi phạm hành chính hay vi phạm dân sự. Hệ thống pháp luật hình sự luôn đặt ra những yêu cầu nghiêm ngặt đối với việc xác định các hành vi có tính chất nguy hiểm cho xã hội, từ đó giúp phân định ranh giới giữa tội phạm và vi phạm pháp luật khác.

Trong quá trình xác định tội phạm, việc thu thập và đánh giá hành vi khách quan giúp cho các cơ quan chức năng không bị nhầm lẫn giữa những hành vi có dấu hiệu tội phạm với những hành vi chỉ là hành chính, dân sự... Các tiêu chí khách quan như mức độ thiệt hại gây ra, tính chất và hình thức của hành vi khách quan, cũng như các tình tiết khác được xem là căn cứ để đưa ra quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngoài ra, đặc điểm hành vi khách quan còn là cơ sở định tội danh, phân biệt giữa các tội phạm với nhau. Mỗi tội phạm cụ thể, khác nhau đều có những yếu tố cấu thành tội phạm khác nhau, trong số đó thì hành vi khách quan có thể được xác định là dấu hiệu cơ bản để định tội danh và phân biệt tội phạm. Đôi khi sự khác biệt giữa các tội phạm chủ yếu nằm chính ở những đặc trưng của hành vi khách quan, quyết định đến toàn bộ tội danh. Ví dụ, cũng đều là hành vi chiếm

đoạt tài sản nhưng nếu chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn gian dối thì cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn lén lút, bí mật thì lại cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Bốn là, hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm là cơ sở để áp dụng, phân hóa trách nhiệm hình sự.

Hành vi khách quan không chỉ giúp xác định tội phạm mà còn là cơ sở để áp dụng và phân hóa trách nhiệm hình sự. Khi các hành vi khách quan được chứng minh một cách rõ ràng, chúng sẽ là căn cứ để xác định mức độ truy cứu trách nhiệm của người phạm tội, từ đó đưa ra những hình phạt thích hợp.

Việc phân hóa trách nhiệm hình sự dựa trên các yếu tố khách quan cho phép hệ thống pháp luật có thể xử lý những trường hợp vi phạm một cách linh hoạt và phù hợp với tình hình cụ thể của từng vụ án. Trong một số tội danh, những tình tiết phản ánh đặc điểm hành vi khách quan như “*Thực hiện tội phạm một cách man rợ*”, “*Dùng thủ đoạn xảo quyết, nguy hiểm*”...được nhà làm luật quy định là tình tiết định khung tăng nặng. Hoặc một số khác lại được quy định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (Điều 52 BLHS) như “*Có hành động xảo quyết hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm*”, “*Phạm tội 02 lần trở lên*”...Trên cơ sở đó nhằm khi xử lý tội phạm có sự phân hóa trách nhiệm hình sự cho phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của từng tội phạm.

Hơn nữa, hành vi khách quan còn giúp xác định rõ ràng phạm vi và giới hạn của trách nhiệm hình sự. Trong những vụ án có yếu tố phức tạp, nơi mà hành vi của người phạm tội có thể bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau, việc phân tích toàn diện các dấu hiệu khách quan sẽ giúp cho cơ quan điều tra, truy tố và xét xử tập trung, nhấn mạnh các yếu tố cấu thành tội phạm vào tội danh phù hợp nhất. Qua đó, trách nhiệm hình sự của người phạm tội sẽ được truy cứu một cách chính xác, tránh trường hợp bị truy tố theo nhiều tội danh chồng chéo hoặc bị xử lý không đồng nhất với các vụ án tương tự.

3. Các dạng hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm

Hành vi khách quan có thể được biểu hiện thông qua hành động hoặc không hành động.

- Hành động phạm tội là hình thức của hành vi phạm tội làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động gây thiệt hại cho khách thể của nó bằng cách thực hiện một việc mà pháp luật hình sự cấm. Ví dụ, giết người bằng cách bóp cổ, dùng súng bắn, dao đâm...

Hành động phạm tội có thể chỉ là một hành vi đơn giản diễn ra trong một thời gian ngắn. Ví dụ, dùng tay đâm một đâm gây thương tích, giật dây chuyền vàng trên cổ người khác...

Hành động phạm tội có thể tổng hợp nhiều hành vi khác nhau, lặp đi lặp lại trong một thời gian dài. Chẳng hạn, hành vi phạm tội tham ô được tiến hành bằng cách thủ quỹ mỗi ngày lấy trong ngân quỹ một số tiền nhất định, sau nhiều năm mới bị phát hiện.

Hành động phạm tội có thể dùng trực tiếp bằng các bộ phận của cơ thể người phạm tội.

Hành động phạm tội cũng có thể thông qua các phương tiện, công cụ. Chẳng hạn, dùng chất nổ để phá huỷ công trình.

Hành động phạm tội có thể thông qua việc làm bằng tay chân hoặc cũng có thể thực hiện thông qua lời nói. Ví dụ: tố cáo sai sự thật.

- Không hành động phạm tội là hình thức của hành vi phạm tội làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động, gây thiệt hại cho khách thể của nó bằng việc chủ thể không thực hiện một việc và pháp luật yêu cầu hoặc làm không đến mức yêu cầu dù có đủ khả năng và điều kiện để thực hiện.

Tính trái pháp luật hình sự trong không hành động phạm tội thể hiện ở chỗ chủ thể đã không thực hiện những nghĩa vụ pháp lý (dù có đủ khả năng và điều kiện thực hiện). Các nghĩa vụ pháp lý đó phát sinh từ một số căn cứ sau:

+ Do luật định. Luật quy định trong những trường hợp có thể đó, chủ thể phải thực hiện những nghĩa vụ nhất định cần thiết đối với xã hội. Ví dụ: nghĩa vụ phải cứu giúp người trong trường hợp nguy hiểm đến tính mạng (Điều 132 Bộ luật Hình sự), nghĩa vụ tố giác tội phạm (Điều 390 Bộ luật Hình sự)...

+ Do quyết định có cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ví dụ: hành vi không chấp hành án (Điều 380 Bộ luật Hình sự).

+ Do nghề nghiệp. Đây là nghĩa vụ của chủ thể phát sinh khi làm một nghề nhất định. Chẳng hạn: bác sĩ có nghĩa vụ bảo vệ tính mạng, sức khỏe cho bệnh nhân, nhân viên bảo vệ phải bảo vệ tài sản của cơ quan...

+ Do hợp đồng. Ví dụ: hợp đồng giữ tài sản làm phát sinh nghĩa vụ phải trông giữ tài sản.

+ Do xử sự trước đó của chủ thể. Ví dụ, hành vi gây ra tai nạn giao thông buộc chủ thể phải có trách nhiệm cứu giúp người bị nạn (Điều 260 Bộ luật Hình sự).

Tất cả các nghĩa vụ phát sinh đều dựa trên cơ sở quy định của pháp luật (có thể quy định trong luật hoặc các văn bản dưới luật quy định về nghề nghiệp

cụ thể). Pháp luật không quy định thì không hành động không thể xem là hành vi phạm tội. Do đó, hai điều kiện cần và đủ buộc một người phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp không hành động phạm tội là:

- + Người đó phải có nghĩa vụ hành động (theo quy định của pháp luật);
- + Người đó có đủ khả năng và điều kiện thực hiện nghĩa vụ này.

Trong các tội phạm, có tội phạm chỉ thực hiện được bằng hành động phạm tội. Ví dụ: tội cố ý gây thương tích (Điều 134 Bộ luật Hình sự), tội hiếp dâm (Điều 141 Bộ luật Hình sự). Có tội phạm chỉ thực hiện bằng không hành động phạm tội. Chẳng hạn, tội cố ý không cứu giúp người trong tình mạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 132 Bộ luật Hình sự), tội không tố giác tội phạm (Điều 390 Bộ luật Hình sự). Cũng có tội phạm vừa thực hiện được bằng không hành động và cả hành động. Ví dụ: tội huỷ hoại tài sản hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178 Bộ luật Hình sự).

Hai hình thức biểu hiện của hành vi: hành động phạm tội và không hành động phạm tội là đặc trưng trong dấu hiệu hành vi của cấu thành tội phạm.

Tuy nhiên, trong thực tế hành vi phạm tội còn được biểu hiện rất đa dạng. Có hành vi khách quan xảy ra trong chốc lát, có hành vi xảy ra trong thời gian dài, có hành vi xảy ra liên tục, có hành vi cùng một lúc xâm phạm vào hai hoặc nhiều quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ...

Chính vì vậy, căn cứ vào đặc điểm cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan, khoa học Luật Hình sự còn phân định ra các hình thức thể hiện khác nhau của hành vi trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm với những tên gọi như: Tội ghép, tội kéo dài, tội liên tục.

- Tội ghép được tạo thành bởi nhiều hành vi khách quan, mỗi hành vi xâm hại đến một khách thể nhất định nhưng chúng lại hợp thành một tội phạm. Ví dụ: tội cướp tài sản bao gồm hành vi tấn công vào người quản lý tài sản (quan hệ nhân thân) và hành vi chiếm đoạt tài sản (quan hệ sở hữu). Dù hành vi gây phương hại đến nhiều khách thể trực tiếp nhưng ta chỉ xem xét về một tội phạm.

- Tội kéo dài là tội phạm mà hành vi khách quan của tội phạm diễn ra không gián đoạn trong một thời gian dài. Ví dụ, tội tàng trữ vũ khí quân dụng trái phép (Điều 304 Bộ luật Hình sự). Tội kéo dài chỉ bị coi là một tội, có xem xét trên tổng số thời gian phạm tội.

- Tội liên tục là tội phạm đó hành vi khách quan gồm nhiều hành vi cùng loại xảy ra kế tiếp nhau về mặt thời gian cùng xâm hại đến một khách thể và đều bị chi phối bởi một ý định phạm tội chung. Ví dụ: thủ quỹ lấy tiền của cơ quan 2 triệu mỗi tháng, kéo dài trong ba năm (cấu thành tội tham ô tài sản, Điều 353 Bộ

luật Hình sự). Trong một số trường hợp này, tội liên tục cũng có thể bị coi là phạm tội nhiều lần. Trong trường hợp khác, các hành vi phạm pháp mỗi lần chưa cấu thành một tội phạm độc lập, nhưng nhiều lần, dựa trên tổng số thiệt hại thì cấu thành tội phạm. Ví dụ, một tên trộm mỗi lần trộm một con chó trị giá 500 nghìn đồng, nhưng trong ba ngày trộm được 05 con chó (tổng trị giá là 2,5 triệu đồng). Tội phạm liên tục cũng chỉ xem xét xử một tội nhưng có cân nhắc trên tổng số thiệt hại để xác định khung hình phạt và lượng hình.

4. Hành vi khách quan trong trường hợp tội phạm chưa hoàn thành và đồng phạm

Về mặt lý luận thì tội phạm chưa hoàn thành bao gồm có hai trường hợp, đó là: chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Điều 14, 15 BLHS quy định về chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, theo đó xác định: “Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm, trừ trường hợp thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 của Bộ luật này”, “Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội”.

Trên cơ sở đó, hành vi khách quan trong trường hợp tội phạm chưa hoàn thành sẽ có các đặc điểm sau:

Trường hợp chuẩn bị phạm tội:

Ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, người phạm tội chưa bắt đầu thực hiện tội phạm. Người phạm tội chưa bắt đầu thực hiện tội phạm, tức là chưa bắt đầu thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm, chưa có hành vi xâm phạm trực tiếp đến quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ, hành vi chuẩn bị phạm tội mới chỉ là những hành vi tạo ra điều kiện, tiền đề cần thiết để thực hiện tội phạm mà thôi.

Tuy nhiên, chuẩn bị phạm tội cũng là một trường hợp phạm tội nên ở giai đoạn này, hành vi của người phạm tội thực hiện mặc dù không phải là hành vi khách quan trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm nhưng người phạm tội đã thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội. Đây cũng chính là hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm nhưng trong trường hợp chuẩn bị phạm tội. Do đó, hành vi khách quan trong trường hợp chuẩn bị phạm tội sẽ được biểu hiện dưới những dạng hành vi cụ thể sau:

- Hành vi tìm kiếm công cụ, phương tiện phạm tội: chính là việc người phạm tội dưới nhiều hình thức khác nhau để có được công cụ, phương tiện phạm

tội, chẳng hạn như: người phạm tội sẽ mua súng, mua dao để thực hiện hành vi giết người hoặc có thể có trường hợp người phạm tội nhất được công cụ nào đó và sử dụng để thực hiện tội phạm. Đặc biệt, trong trường hợp hành vi tìm kiếm công cụ, phương tiện phạm tội có đủ dấu hiệu cấu thành một tội phạm khác thì người phạm tội còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm đó.

- Hành vi sửa soạn công cụ, phương tiện phạm tội: Sửa soạn công cụ, phương tiện có thể hiểu là trên cơ sở công cụ, phương tiện sẵn có, người phạm tội sẽ tân trang, sửa chữa lại sao cho phù hợp với tội phạm sẽ thực hiện. Ví dụ: Tháo báng súng, cưa nòng để tiện cho việc cất dấu hoặc đôn nòng xe máy để chuẩn bị đi cướp giật hay tự chế súng đạn để giết người.

Bên cạnh đó người phạm tội cũng có thể chuẩn bị các điều kiện về tinh thần để thực hiện tội phạm được thuận lợi. Ví dụ: Sử dụng chất kích thích trước khi đi cướp tài sản hay trước khi thực hiện hành vi đua xe.

- Hành vi tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm:

Trong thực tế, những điều kiện khác để thực hiện tội phạm có thể là những hành vi sau:

Thăm dò, theo dõi, thu thập thông tin về nạn nhân như thói quen, nghề nghiệp, các mối quan hệ, quy luật sinh hoạt; bàn bạc, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng người...

Người phạm tội thực hiện việc chuẩn bị kế hoạch phạm tội: Tùy thuộc vào từng loại tội phạm, tính chất mức độ của tội phạm, quyết tâm thực hiện tội phạm của người phạm tội mà kế hoạch phạm tội mà người phạm tội đề ra sẽ có mức độ khác nhau: Dự kiến các tình huống xảy ra và cách ứng phó đối với tình huống đó.

Sau khi chuẩn bị xong công cụ phương tiện phạm tội, các kế hoạch thực hiện tội phạm, người phạm tội có thể sẽ thực hiện ngay hành vi phạm tội nếu có thời cơ thuận lợi hoặc sẽ chờ thời cơ thuận lợi để thực hiện hành vi phạm tội. Trong trường hợp chưa có thời cơ thực hiện tội phạm được thuận lợi, người phạm tội sẽ tạo ra thời cơ để việc thực hiện tội phạm được thuận lợi và đạt hiệu quả cao.

- Hành vi thành lập, tham gia nhóm tội phạm:

Hành vi thành lập nhóm tội phạm là hành vi hướng đến việc hình thành, tồn tại và phát triển của nhóm tội phạm như: vận động, cưỡng bức, lôi kéo người khác vào nhóm tội phạm, xây dựng cơ cấu nhóm tội phạm; hành vi tham gia nhóm tội phạm là hành vi tự nguyện gia nhập nhóm tội phạm⁹. Tuy nhiên, theo Điều 14

⁹ Đinh Thị Nguyễn – Chiêm Phong Phi (2022), *Hành vi thành lập, tham gia nhóm tội phạm trong bộ luật hình sự năm 2015 – So sánh với Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và một số kiến nghị*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Trường Đại học Bình Dương – Tập 5, số 2/2022, tr.45

BLHS năm 2015 thì hành vi thành lập, tham gia nhóm tội phạm không phải là hành vi chuẩn bị phạm tội của các tội được quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 BLHS. Nói cách khác, đối với các tội phạm khác thì hành vi thành lập, tham gia nhóm tội phạm là hành vi chuẩn bị phạm tội nhưng đối với ba tội phạm trên thì hành vi thành lập, tham gia nhóm tội phạm chính là hành vi khách quan của tội phạm, hay trường hợp này tội phạm đã hoàn thành.

Ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, ý định phạm tội đã được thể hiện ra ngoài thế giới khách quan bằng những hành vi cụ thể nhưng những hành vi này lại chưa phải là hành vi được quy định trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm. Nếu người phạm tội đã thực hiện hành vi khách quan rồi thì không còn là hành vi chuẩn bị phạm tội nữa.

Về ý thức chủ quan, ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, người phạm tội thực hiện hành vi tìm kiếm, sửa soạn công cụ phương tiện phạm tội hoặc tạo ra những điều kiện khác là để nhằm thực hiện một tội phạm cụ thể, tức là phải xác định rõ là người phạm tội thực hiện những hành vi chuẩn bị đó là nhằm mục đích chuẩn bị cho việc thực hiện tội phạm sau này chứ không phải là để thực hiện một công việc nào khác. Ví dụ một đối tượng có hành vi quan sát, rình rập nhà một người nào đó, nhưng nếu không xác định được mục đích của hành vi trên là gì thì chưa có đủ cơ sở chứng minh hành vi của họ là chuẩn bị phạm tội.

Ngoài ra, người phạm tội chưa gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội, do người phạm tội chưa bắt đầu thực hiện hành vi khách quan được quy định trong CTTTP cụ thể, chưa trực tiếp xâm hại đến quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ vì vậy hành vi chuẩn bị phạm tội chưa gây ra hậu quả, thiệt hại cho các quan hệ xã hội đó. Nhưng những hành vi chuẩn bị này đã đặt những quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ vào tình trạng đe dọa bị xâm hại nếu không được ngăn chặn kịp thời. Tức là hành vi chuẩn bị đã chứa đựng khả năng gây nguy hiểm cho xã hội chứ chưa gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội.

Trường hợp phạm tội chưa đạt:

Về mặt lý luận, giai đoạn phạm tội chưa đạt có các đặc điểm sau: Người phạm tội đã bắt đầu thực hiện tội phạm; Người phạm tội đã bắt đầu thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện tội phạm được đến cùng; Việc người phạm tội không thực hiện tội phạm được đến cùng là do những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.

Do đó, hành vi khách quan trong trường hợp phạm tội chưa đạt có thể được xác định thuộc một trong hai dạng hành vi sau:

- Hành vi khách quan được mô tả trong mặt khách quan của CTTP:

Mặc dù phạm tội chưa đạt là trường hợp tội phạm không thực hiện đến cùng (chưa hoàn thành) nhưng người phạm tội bắt đầu thực hiện tội phạm, tức là biểu hiện khách quan người phạm tội đã thực hiện các hành vi khách quan được mô tả trong mặt khách quan của CTTP cụ thể. Do đó, hành vi khách quan trong trường hợp phạm tội chưa đạt cũng chính là hành vi khách quan được mô tả trong mặt khách quan của CTTP đó. Tuy nhiên, cần căn cứ vào đặc điểm cấu trúc của từng CTTP để xác định hành vi khách quan trong trường hợp phạm tội chưa đạt được chính xác. Cụ thể:

+ CTTP vật chất: người phạm tội đã thực hiện hành vi thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu hành vi khách quan được mô tả trong mặt khách quan của CTTP nhưng chưa gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội hoặc có hậu quả nhưng hậu quả không như mong muốn của người phạm tội. Ví dụ, người phạm tội đã ném lựu đạn để giết người nhưng lựu đạn không nổ hoặc nổ nhưng nạn nhân không chết.

+ CTTP hình thức: người phạm tội đã thực hiện hành vi được mô tả trong mặt khách quan của CTTP nhưng vẫn chưa thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu hành vi khách quan được mô tả trong mặt khách quan của CTTP. Ví dụ, người phạm tội mới chỉ dùng vũ lực với nạn nhân nhưng chưa thực hiện hành vi giao cấu trái ý muốn với nạn nhân nên xác định chưa thỏa mãn dấu hiệu hành vi khách quan được mô tả trong mặt khách quan của CTTP nên tội Hiếp dâm được xác định chưa đạt.

- Hành vi đi liền trước hành vi khách quan:

Đây là những hành vi gắn liền, không có khoảng cách về mặt thời gian với hành vi khách quan, là tiền đề cho hành vi khách quan xảy ra, nếu không có hành vi này thì hành vi khách quan không thể nào xảy ra. Ví dụ, hành vi lên đạn, nhắm vào nạn nhân để bắn hay là trường hợp người phạm tội mới vung gậy lên để đập vào đầu nạn nhân đều được xem là đã thực hiện hành vi đi liền trước hành vi khách quan.

Việc người phạm tội đã thực hiện hành vi đi liền trước hành vi khách quan được xác định là đã bắt đầu thực hiện tội phạm. Do đó, hành vi đi liền trước hành vi khách quan cũng chính là hành vi khách quan nhưng trong CTTP trong trường hợp phạm tội chưa đạt.

Trường hợp đồng phạm:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 BLHS thì: “Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”.

Căn cứ vào dấu hiệu pháp lý của đồng phạm¹⁰, hành vi khách quan trong CTTP thuộc trường hợp đồng phạm có những đặc điểm pháp lý như sau:

Khoản 3 Điều 17 BLHS đã quy định: “Người đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức”. Do đó, trước tiên để xác định hành vi khách quan trong CTTP thuộc trường hợp đồng phạm cần căn cứ vào đặc điểm hành vi của những người đồng phạm cụ thể, bao gồm các dạng hành vi sau:

+ Hành vi trực tiếp thực hiện tội phạm: Tức là thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm. Người thực hiện hành vi này gọi là người thực hành.

+ Hành vi tổ chức thực hiện tội phạm: Tức là tổ chức thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm. Người thực hiện hành vi này gọi là người tổ chức.

+ Hành vi xúi giục người khác thực hiện tội phạm: Tức là xúi giục người khác thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm. Người thực hiện hành vi này gọi là người xúi giục.

+ Hành vi giúp sức người khác thực hiện tội phạm: Tức là giúp người khác thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm tức là thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm. Người thực hiện hành vi này gọi là người giúp sức.

+ Hành vi thực hiện tội phạm của họ có thể thể hiện dưới hình thức hành động hoặc không hành động phạm tội. Hành động phạm tội tức là làm một việc bị pháp luật hình sự cấm. Chính vì vậy, hành vi của họ bị coi là tội phạm và do sự hành động là cố ý cùng thực hiện một tội phạm với người khác nên hành vi của họ là đồng phạm. Không hành động phạm tội tức là không làm một việc mà pháp luật hình sự bắt buộc phải làm, chính vì vậy mà hành vi của họ bị coi là tội phạm và vì hành vi của họ là cố ý để cùng người khác thực hiện một tội phạm nên hành vi của họ là đồng phạm

Hành vi cùng thực hiện tội phạm của họ có thể tham gia ngay từ đầu hoặc khi tội phạm đang xảy ra. Nghĩa là hành vi của những người này có thể thực hiện trước khi tội phạm xảy ra hoặc khi tội phạm đang xảy ra. Vì tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm là tội phạm cố ý nên thường trải qua các giai đoạn chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành. Do vậy, hành vi

¹⁰ Cục Đào tạo – Bộ Công an (2021), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần những quy định chung)*, dùng chung đào tạo trình độ đại học trong Công an nhân dân, Nxb Lao Động, Hà Nội, tr.130-133

thực hiện tội phạm của những người này có thể thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị hoặc giai đoạn tội phạm đang xảy ra. Nếu hành vi của họ xảy ra sau khi tội phạm đã thực hiện xong (đã chấm dứt trên thực tế) thì không phải là đồng phạm.

Bên cạnh đó, phải xác định hành vi của những người đồng phạm tạo thành hoạt động chung để thực hiện một tội phạm. Đây là nội dung mang tính hệ quả của việc mỗi người đồng phạm phải có hành vi tham gia vào việc thực hiện tội phạm. Chính vì hành vi của những người đồng phạm hoặc là hình vi thực hiện tội phạm, hoặc là hành vi tổ chức, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện tội phạm nên các hành vi đó đã tạo thành hành động chung.

Hành động chung để thực hiện một tội phạm nghĩa là các hành vi của họ trong mối liên kết thống nhất với nhau, hành vi của người này hỗ trợ, bổ sung cho hành vi của người khác và ngược lại; hành vi của mỗi người là một bộ phận, một khâu của hoạt động chung phạm tội và tổng hợp các hành vi của họ tạo thành hành vi phạm tội với đầy đủ yếu tố của cấu thành tội phạm.

Chương 2. THỰC TIỄN XÁC ĐỊNH HÀNH VI KHÁCH QUAN TRONG CẤU THÀNH TỘI PHẠM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG THỰC TIỄN XÁC ĐỊNH HÀNH VI KHÁCH QUAN TRONG CẤU THÀNH TỘI PHẠM

1. Thực tiễn áp dụng các quy định về hành vi khách quan trong việc xác định cấu thành tội phạm cơ bản và định khung hình phạt

Có nhiều quan điểm khác nhau về định tội danh: Định tội danh là hoạt động thực tiễn của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để xác định một người đã phạm tội gì, theo điều luật nào của BLHS hay nói cách khác đây là quá trình xác định tên tội cho hành vi nguy hiểm đã được thực hiện¹¹. Hay nói cách khác, định tội danh là một quá trình nhận thức lý luận có tính logic, đồng thời là một trong những dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, cũng như pháp luật tố tụng hình sự và được tiến hành bằng cách - trên cơ sở các chứng cứ, các tài liệu thu thập được và các tình tiết thực tế của vụ án hình sự để đối chiếu, so sánh và kiểm tra nhằm xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với các dấu hiệu của CTTP cụ thể tương ứng do luật hình sự quy định¹².

Rõ ràng định tội danh là cơ sở rất quan trọng trong một vụ án hình sự, bởi vì đó là yếu tố quan trọng đặt ra đối với TNHS của chủ thể thực hiện tội phạm. Bên cạnh đó, với việc xác định người phạm tội thực hiện tội phạm gì, quy định tại điều, khoản nào trong BLHS sẽ có ý nghĩa trong việc quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Do đó, định tội danh được xác định như là tiền đề để đặt ra vấn đề TNHS cũng như hình phạt được khách quan, nghiêm minh, góp phần trong công tác đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.

Trong thực tiễn xét xử, nếu hoạt động định tội danh chưa chuẩn xác sẽ dẫn tới sai lầm trong việc kết án, có thể xử lý oan người vô tội, để lọt tội phạm, mức độ chế tài hình sự có thể không tương xứng với tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Về mặt lý luận, hoạt động định tội danh dựa trên cơ sở dấu hiệu CTTP. Trong đó, hành vi khách quan là dấu hiệu bắt buộc trong CTTP đối với tất cả các tội. Do đó, việc xác định, nhận diện dấu hiệu hành vi khách quan trong CTTP là căn cứ quan trọng trong quá trình định tội danh. Tuy nhiên, hiện nay một số quy

¹¹ Dương Tuyết Miên (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội

¹² Lê Cẩm, Trịnh Quốc Toàn (2004), *Định tội danh: Lý luận, hướng dẫn mẫu và 350 bài tập thực hành*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội

định trong BLHS về một số tội phạm cụ thể có sự xung đột giữa các quy phạm, dẫn đến việc chồng lấn nội dung các quy định, qua đó khó xác định ranh giới khác biệt giữa hành vi khách quan ở các tội phạm gây khó khăn trong việc định tội danh. Điển hình như vụ án sau¹³:

Từ ngày 24 đến ngày 28/01/2024, Nguyễn Thị Nh, trú tại Khu 1, xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ ở chung 01 phòng với chị Phàn Thị H, trú tại thôn Phú Ty, xã Na Khê, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tại nhà nghỉ Nhà nghỉ L- H, xã Đội Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/01/2024, H nói cho Nh biết vừa mua 01 chiếc điện thoại mới nhưng không biết đăng nhập vào ứng dụng Internet Banking của H mở tại Agribank, Nh nói “chị để em xem hộ”, H đồng ý đưa điện thoại cho Nh, rồi cùng nhau thực hiện cài đặt và đăng nhập thành công vào ứng dụng Banking Internet, trong khi cài đặt Nh đã nhớ mật khẩu đăng nhập ứng dụng và đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản ngân hàng của H. Khoảng 22 giờ cùng ngày khi thấy chị H ngủ say, điện thoại để trên đầu giường ngủ, Nh đã lén lút sử dụng điện thoại của H truy cập vào ứng dụng Banking Internet chuyển khoản 64.300.000 đồng từ tài khoản của chị H vào tài khoản ngân hàng của Nh. Đến sáng ngày 29/01/2024, Nh đã chuyển toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt được qua các tài khoản của người quen để đổi lấy tiền mặt và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên. Đến ngày 26/02/2024, chị H mới phát hiện tiền trong tài khoản của mình bị mất nên đã đến trình báo với Cơ quan điều tra. Đến ngày 06/03/2024, Nguyễn Thị Nh đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai báo toàn bộ về hành vi phạm tội của bản thân.

Quá trình giải quyết vụ án có hai quan điểm về xác định tội danh:

Quan điểm thứ nhất: cho rằng hành vi của Nh đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản vì:

Nh đã lợi dụng sự mất cảnh giác của chị H khi nhờ Nh cài đặt ứng dụng Internet Banking trên điện thoại, lợi dụng khi H ngủ say Nh đã lén lút sử dụng trái phép điện thoại của H, lén lút đăng nhập vào tài khoản Internet Banking và chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của H sang tài khoản ngân hàng của mình, chiếm đoạt số tiền 64.300.000 đồng.

Mặc dù Nh đã sử dụng điện thoại di động của chị H có kết nối Internet - là phương tiện điện tử, mạng viễn thông để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, nhưng bản chất hành vi khách quan của Nh là lén lút thực hiện đăng nhập và chiếm đoạt thành công tiền của H.

¹³ Nguyễn Hồng Tư (2024), *Khó khăn, vướng mắc trong việc xác định tội danh đối với tội “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và “tội Trộm cắp tài sản”*, <https://vkstuyenquang.gov.vn>

Căn cứ quan trọng hơn là theo quy định của Điều 290 Bộ luật Hình sự: Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản quy định “Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này, thì...”. Theo quy định trên ngay trong chính điều luật này đã ưu tiên xử lý về các tội về xâm phạm sở hữu trước, sau đó mới xem xét xử lý theo Điều 290.

Quan điểm thứ hai: hành vi của Nh đã phạm vào “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 290 Bộ luật Hình sự vì trong chính nội dung của điều luật đã mô tả rất rõ hành vi khách quan đó là:

a) Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;

...c) Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản;

Trong vụ án này, Nh đã thực hiện hành vi truy cập bất hợp pháp: sử dụng mật khẩu đăng nhập trái phép vào tài khoản Banking Internet của bị hại, là đã thực hiện đầy đủ hành vi được mô tả chuẩn xác tại điểm c khoản 1 Điều 290 BLHS, sau đó chiếm đoạt tài sản. Trong khi đó hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án này không quy định rõ ràng gồm những hành vi cụ thể ra sao mà chỉ được hiểu chung chung đó là hành vi lợi dụng sự mất cảnh giác, tin người của chủ sở hữu, đã lén lút thực hiện các thao tác chuyển tiền để chiếm đoạt tài sản ... Do đó đủ căn cứ để xử lý đối với Nh về “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 290 Bộ luật Hình sự.

Cả hai quan điểm trên đều có những lập luận hợp lý, có căn cứ riêng. Tuy nhiên chúng tôi đồng tình với quan điểm thứ nhất, vì vừa hợp lý với hành vi khách quan của tội phạm vừa đảm bảo các nguyên tắc định tội danh vì ngay trong chính quy định của Điều 290 BLHS đó là chính Điều luật đã chỉ rõ việc ưu tiên áp dụng điều luật “...nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này, thì...”, nghĩa là trước tiên chúng ta phải ưu tiên xem xét áp dụng theo quy định tại Điều 173 và Điều 174 Bộ luật Hình sự trước và chỉ khi không thỏa mãn quy định tại Điều 173 và Điều 174 thì mới xem xét áp dụng Điều 290 BLHS. Thực tế hình phạt của Điều 173 và Điều 290 BLHS là tương đương nhau, tuy nhiên trong áp dụng pháp luật còn xảy ra quan điểm trái chiều giữa Viện kiểm sát với Tòa án nhân dân trong việc xác định tội danh, dẫn đến việc yêu cầu

thay đổi quan điểm về tội danh giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Qua đó cho rằng cần phải có sự hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền đối với các hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để chiếm đoạt tài sản nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật.

Trong quá trình định tội danh ở một số tội phạm cụ thể, việc xác định hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm hiện nay đôi lúc vẫn chưa có sự thống nhất về mặt nhận thức, dẫn đến một số khó khăn trong việc định tội danh và trường hợp phạm tội. Do đó, bên cạnh dấu hiệu hành vi khách quan cần đánh giá sự thống nhất, phù hợp giữa các dấu hiệu cơ bản cũng như các tình tiết khác của vụ án như tính chất, mức độ lỗi, phương thức, thủ đoạn, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh phạm tội... mới có đủ căn cứ định tội danh. Một trong những tội danh vướng mắc về việc xác định tình tiết này là tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ (Điều 124 BLHS).

Về mặt khách quan của tội phạm, hành vi giết con mới đẻ được thể hiện dưới dạng không hành động phạm tội, thể hiện bằng các hành vi như bóp cổ, đánh, thả từ trên xuống, dìm xuống nước,... Mặt khác, các hành vi này còn biểu hiện dưới dạng không hành động như người mẹ của đứa trẻ không cho con mình bú sữa vì nguyên nhân nào đó; đứa bé ốm mà không cho đứa bé uống thuốc dẫn đến đứa trẻ chết.

Hành vi vứt bỏ con mới đẻ dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết được biểu hiện dưới dạng hành động như vứt bỏ con mình ở một nơi nào đó như ngoài nghĩa trang, công trường học, công bệnh viện, công nhà thờ, nhà chùa,... Đây là trường hợp người mẹ có thái độ tuy không mong muốn đứa trẻ chết nhưng để mặc cho hậu quả xảy ra¹⁴. Ở dạng hành vi này, tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ bắt buộc phải có hậu quả xảy ra là đứa trẻ bị chết, có thể vì những nguyên nhân khác nhau như bị đói, rét hoặc côn trùng cắn,...

Về hậu quả thiệt hại, tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ là tội phạm có cấu thành vật chất nên việc xác định hậu quả của tội phạm có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc định tội. Theo đó, nếu chỉ có hành vi mà hậu quả của hành vi đó chưa xảy ra thì có nghĩa là mức độ nguy hiểm của hành vi đó chưa cao. Khi hậu quả xảy ra là đứa trẻ chết thì được coi là tội phạm hoàn thành. Trường hợp còn lại, nếu người mẹ chỉ có hành vi giết nhưng hậu quả chết người chưa xảy ra thì được coi là phạm tội chưa đạt. Đối với hành vi vứt bỏ con mới đẻ dẫn đến đứa trẻ chết thì bắt buộc phải có hậu quả là đứa trẻ chết thì mới cấu thành tội phạm, còn trường hợp người mẹ chỉ có hành vi vứt bỏ đứa trẻ nhưng đứa trẻ không chết thì hành vi đó không cấu thành tội phạm.

¹⁴ Cao Thị Oanh - Lê Đăng Doanh (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự 2015*, Nxb Hồng Đức, tr.223

Về mặt chủ quan của tội phạm, tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ được thực hiện với lỗi cố ý, và được biểu hiện dưới hai hình thức là lỗi cố ý trực tiếp và lỗi cố ý gián tiếp. Hiện nay, đang có những quan điểm trái chiều nhau đối với việc xác định hình thức lỗi đối với tội “Vứt bỏ con mới đẻ”. Có quan điểm cho rằng lỗi của chủ thể đối với tội “Vứt bỏ con mới đẻ” có thể là một trong hai hình thức lỗi nêu trên. Ngược lại, một số quan điểm khác lại cho rằng lỗi của chủ thể ở tội vứt bỏ con mới đẻ chỉ có thể là lỗi cố ý gián tiếp.

Theo quan điểm của chúng tôi, lỗi của chủ thể đối với tội “Vứt bỏ con mới đẻ” chỉ có thể là lỗi cố ý gián tiếp và không có trường hợp phạm tội chưa đạt. Có quan điểm cho rằng “Hành vi không cho con bú với mong muốn đứa trẻ chết và hành vi bỏ đứa trẻ ngoài đường với mong muốn đứa trẻ chết không có gì khác nhau về tính chất và mức độ nguy hiểm, nên không thể coi trường hợp “không cho con bú” là giết con mới đẻ để áp dụng khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm và “bỏ đứa trẻ ngoài đường là vứt bỏ con mới đẻ để áp dụng khung hình phạt nhẹ hơn là phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm”¹⁵. Chính vì vậy, mọi trường hợp vứt bỏ con mới đẻ với mong muốn là làm đứa trẻ chết thì phải bị coi là giết con mới đẻ. Chỉ coi là vứt bỏ con mới đẻ dẫn đến đứa trẻ chết khi người mẹ có ý thức để mặc hoặc chấp nhận đối với hậu quả đó.

Như vậy, hành vi vứt bỏ con mới đẻ được hiểu là hành vi của người mẹ để đứa bé ở một nơi rời khỏi sự chăm sóc của mình¹⁶. Tuy nhiên, hành vi vứt bỏ con mới đẻ trong nhiều trường hợp vẫn có sự nhầm lẫn, chưa rõ ràng với hành vi giết con mới đẻ. Trường hợp người mẹ có hành vi vứt bỏ đứa con của mình nhưng cần xem xét ý thức chủ quan của người mẹ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp người mẹ vứt đứa bé ở những nơi như cổng chùa, những nơi công cộng với mong muốn có ai thấy và nhặt nuôi con mình, nhưng vì lý do nào đó khiến đứa trẻ chết khác hẳn trường hợp người mẹ vứt bỏ con dưới trời nắng nóng, trong rừng sâu, những nơi mà đứa bé hầu như không còn cơ hội sống sót thì phải truy cứu về tội “Giết con mới đẻ”.

Trường hợp xảy ra gây rúng động dư luận Việt Nam trong thời gian gần đây là một ví dụ: “Ngày 10/6/2020, thông tin từ Công an TP. Hà Nội cho biết Công an thị xã Sơn Tây đã điều tra, làm rõ được sự việc cháu bé bị bỏ ở hồ gas giữa trời nắng có nhiệt độ 40⁰C. Tại cơ quan công an, P.T.T (SN 1989, trú tại Hà Nam, mẹ cháu bé) khai nhận: Khoảng 23h đêm ngày 6/6/2020, T. một mình đến

¹⁵ Nguyễn Ngọc Hòa (2018), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017 – Phần các tội phạm)*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr.74

¹⁶ Nguyễn Ngọc Hòa (2018), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017 – Phần các tội phạm)*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr.74

ruộng rau cạnh đền Mẫu trong thôn Thanh Tiến, xã Thanh Mỹ tự sinh cháu bé. Vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không thể nuôi được con và không muốn ai biết sự việc nên ngay khi sinh, T đã bế con trèo vào phía sau đền Mẫu vứt bỏ. Sau đó, T xóa dấu vết, rồi đi về trung tâm TP. Hà Nội. Đến khoảng 15h40' ngày 8/6, người dân phát hiện một cháu bé bị bỏ rơi dưới hố gas phía sau đền Mẫu (xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây) trong tình trạng không có quần áo mặc, 2 mắt, mũi, miệng, cơ thể đang bị giòi bọ bám dính.

UBND, Công an xã Thanh Mỹ cùng Trạm y tế xã Thanh Mỹ đã cho sơ cứu cháu bé rồi đưa vào Bệnh viện Đa khoa Sơn Tây; Sau đó chuyển tới Bệnh viện Xanh Pôn để cấp cứu. Ban đầu, cháu bé có tiến triển rất tốt. Tuy nhiên, sau 3 tuần được chữa trị tích cực tại Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn, bé trai lại không qua khỏi. Cháu tử vong do sốc nhiễm khuẩn trên nền nhiễm trùng máu¹⁷.

Ở tình huống trên, nhiều ý kiến cho rằng nếu không có kết quả cháu bé tử vong, “do cháu bé được phát hiện và cứu chữa nên trong trường hợp này người mẹ có thể chỉ bị xử lý hành chính theo Điều 22 Nghị định 144/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em”¹⁸. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, dù không có hậu quả tử vong của cháu bé nhưng hành vi của người mẹ trong trường hợp này cũng đã đủ yếu tố cấu thành tội giết con mới đẻ với trường hợp phạm tội chưa đạt vì ý thức chủ quan của người mẹ là mong muốn đứa trẻ chết thông qua hành vi vứt đứa bé dưới hố gas dưới trời nắng 40⁰C. Một đứa bé mới sinh ra thì rất khó có thể sống dưới thời tiết nắng nóng dưới hố gas.

Hay như trong rất nhiều vụ án xảy ra trên thực tế, việc định tội danh Giết người hay Cố ý gây thương tích đôi khi rất khó khăn, gây lúng túng cho các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Bởi vì nếu chỉ căn cứ vào mỗi hành vi khách quan hay hậu quả (chết người) trong cấu thành tội phạm để định tội thì đôi khi không thể phản ánh đầy đủ các tình tiết dùng để định tội, có thể dẫn đến định tội danh sai. Lúc này, bên cạnh việc xác định rõ hành vi khách quan, cơ quan tiến hành tố tụng cần phải đánh giá đầy đủ, toàn diện các tình tiết khác để có cơ sở định tội danh chính xác. Chẳng hạn như trong tình huống pháp lý sau¹⁹:

Ví dụ: Vào một buổi tối tháng 04/2021, Trần Đức T. đang trực ban ngoài công cơ quan về phòng ở của Trung đội để uống thuốc và thấy Lục Đức V. đang

¹⁷ Tân Trường (2020), *Người mẹ nhẫn tâm bỏ con vừa sinh ở hố gas dưới nắng nóng đối diện ban an-
https://baomoi.com/nguoi-me-nhan-tam-bo-con-vua-sinh-o-ho-gas-duoi-nang-nong-doi-dien-ban-an-
nao/c/35341168.epi*

¹⁸ *Khắc phục tư tưởng lạc hậu trong con người Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Cộng sản online

¹⁹ Hoàng Ngọc Công (2022), *Bàn về việc định tội danh đối với hành vi “Giết người” hay “Cố ý gây thương tích”*, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam

ngồi dưới nền nhà ăn cơm. T. hỏi V. “Chiều bỏ ca đi trực đúng không”, V. trả lời “Không”. T. hỏi tiếp “Mày có biết bỏ trực là vi phạm kỷ luật không”, V. nói “không”. Nghe thấy vậy, T. dùng tay phải tát 01 cái vào má trái V. Sau đó, V. đẩy T. ra và đấm 01 cái vào vùng mặt trái gần mũi T., T. dùng chân phải đạp 01 cái vào người V., V. cũng đạp T. 01 cái vào bụng làm T. ngã xuống nền nhà. Sau đó, T. đứng dậy rút cộc màn bằng kim loại ở giường của mình. Sau khi lấy được cộc màn, T. nhìn thấy V. cũng đang giật cộc màn ở giường của V., sợ bị V. đánh nên T. đi về phía đầu giường của quân nhân Q. để có gì thì nhờ Q. can ngăn V. Lúc này, V. lấy được cộc màn và đi đến vị trí T. đang đứng. Thấy vậy, T. cũng tiến về phía V., khi cách V. khoảng 1,3m, bị cáo cầm cộc màn vung lên trên (tay cao sát tai bên phải) rồi vụt 01 cái về phía V theo hướng từ sau về trước, từ trên xuống dưới, từ phải sang trái vào vùng đầu bên trái của V., V. ngồi bệt xuống nền nhà, tay trái ôm đầu. Bị cáo T. tay vẫn cầm cộc màn đi ra phía cửa chính, khi đi qua chỗ V. ngồi 01, 02 bước chân, thấy tay phải V. chổng vào thành giường định ngồi dậy, T. nghĩ V. đứng dậy để đánh mình nên T. quay lại vụt tiếp 01 cái vào đùi bên trái của V. Thấy vậy, quân nhân Q. đến can ngăn và đẩy T. ra cửa chính và bảo T. đi trực tiếp.

Qua kiểm tra vết thương của quân nhân V. thấy vùng đỉnh thái dương trái của V. có 01 vết xước dài khoảng 05cm, đang rỉ máu, vết thương không phỏng, không hở, hỏi chuyện thấy V. trả lời rành mạch rõ ràng, không có biểu hiện gì bất thường. Quá trình ngủ nghỉ, cán bộ đi kiểm tra 03 lần thấy V. ngủ bình thường, vết thương không chảy máu. Đến 05 giờ 30 phút sáng ngày 21/4/2021, thấy mặt, môi V. nhợt nhạt, gọi, lay người không thấy phản ứng gì. Đến 07 giờ 10 phút, đơn vị đưa V. đi cấp cứu. Hậu quả: Lục Đức V. bị tổn thương cơ thể do thương tích là 99%.

Qua nghiên cứu và trao đổi, hiện tại có hai quan điểm về việc định tội danh đối với Trần Đức T. như sau:

Quan điểm thứ nhất: Trần Đức T. phạm tội “Giết người”. Vì T. nghi ngờ, bức xúc, bức tức việc V. bỏ trực mà hai bên lời qua tiếng lại và xô xát với nhau, T. đã dùng tay tát vào má, chân đạp vào người, sau đó lấy cộc màn bằng kim loại là hung khí nguy hiểm, vụt vào phần đầu bên trái của V. với cường độ mạnh làm vỡ xương sọ, chấn thương sọ não, đây là vùng xung yếu của cơ thể của V., buộc T. phải nhận thức được rằng có thể gây nguy hiểm đến tính mạng cho nạn nhân nhưng T. vẫn hành động với ý thức bỏ mặc, muốn ra sao thì ra. Hậu quả bị hại V. bị tổn hại 99% sức khỏe, V. không chết là do được cứu chữa, nhưng hậu quả thương tích của T. gây ra cho V. là đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, hành vi

nêu trên của T. đủ yếu tố cấu thành tội "Giết người". (thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt).

Quan điểm thứ hai: Cũng là quan điểm của chúng tôi, theo đó, T. chỉ phạm tội "Cố ý gây thương tích" vì cho rằng T. không có ý thức cố ý tước đoạt tính mạng của V., khi T. đi qua chỗ V. ngồi thấy tay phải V. chống vào thành giường định ngồi dậy, T. nghĩ V. đứng dậy để đánh mình nên T. quay lại vọt tiếp 01 cái vào đùi bên trái của V. như vậy T. không có ý định tước đoạt tính mạng của V. nên chỉ đánh vào đùi và hậu quả chết người chưa xảy ra. Hành vi nêu trên của T. phạm tội "Cố ý gây thương tích" mới bảo đảm đúng tính chất, đặc điểm của hành vi phạm tội và diễn biến sự việc.

Căn cứ vào các điểm khác nhau trong cấu thành tội phạm "Giết người" và tội "Cố ý gây thương tích" trên các yếu tố sau:

- Về hành vi khách quan: Chưa thể xác định được rằng bị can T. có nhằm đánh vào đầu quân nhân V. (vùng trọng yếu trên cơ thể hay không). Vì khi T. cầm cộc màn rồi đi về phía đầu giường của quân nhân Q. Thấy vậy, V. cũng dùng tay giật cộc màn ở cuối giường của mình rồi đi đến vị trí đứng của T. Lúc này, T. cũng tiến về hướng V., khi cách khoảng 01m T. bước chân trái lên, tay phải cầm cộc màn vung lên trên (tay cao sát tai bên phải) rồi vọt 01 cái về phía V. theo hướng từ sau về trước, từ trên xuống dưới, từ phải sang trái và T. cầm cộc màn vọt về phía V., lúc đó trong phòng đã tắt đèn điện, chỉ có ánh đèn điện bảo vệ ở bên ngoài, chỉ khi thấy V. ngồi bệt xuống nền nhà, tay ôm đầu thì T. mới biết vọt trúng vào đầu V. Ngoài ra, T. chỉ có vọt 01 cái trúng vào phần đầu của bị hại V. và đi ra ngoài hướng cửa chính, qua chỗ bị hại thấy bị hại ngồi nhồm dậy, T. nghĩ V. đứng dậy để đuổi đánh mình nên đã quay lại vọt tiếp 01 cái vào phần đùi bên trái V., quân nhân Q. cùng phòng đẩy bị can ra ngoài và bị can đi trực tiếp. Như vậy, hành vi của T. không thực hiện một cách quyết liệt.

- Về cường độ tấn công: T. chỉ vọt 01 cái trúng vào phần đầu V., rồi đi ra phía ngoài cửa chính, thấy V. ngồi nhồm dậy và sau đó mới vọt tiếp 01 cái vào phần đùi V. đã cho thấy hành vi của bị can T. có sự gián đoạn, cường độ tấn công không dồn dập, nhịp độ tấn công không liên tục. Khác hẳn với việc dùng vũ khí để giết người - phải thực hiện rất quyết liệt, tàn nhẫn với cường độ mạnh, liên tục cho đến khi nạn nhân chết hoặc được cho là chết.

- Về mục đích: T. có sự nghi ngờ, bức xúc việc quân nhân V. mà hai bên lờ qua tiếng lại, xô xát với nhau và sợ bị hại V. đánh mình nên bị can T. tấn công V. nhằm mục đích để V. không đánh lại được chứ không nhằm tước đoạt tính mạng của V. Nếu muốn tước đoạt mạng sống của quân nhân V., thì bị can T. có thể thực hiện ngay từ lúc lấy được cộc màn mà đến đánh V., chứ không đợi đến

khi V. cũng lấy được cọc màn đi về phía mình rồi mới đánh lại V. và phải thực hiện một loạt hành vi một cách mãnh liệt hơn nữa.

- Về hậu quả: V. bị chấn thương sọ não, vỡ xương sọ, máu tụ ngoài màng cứng, di chứng thần kinh sống kiêu thực vật, tỉ lệ 99%, hậu quả chết người chưa xảy ra. Trong khi đó, tội "Giết người" có cấu thành vật chất đòi hỏi hậu quả bắt buộc phải xảy ra trên thực tế (duy nhất trong trường hợp phạm tội chưa đạt đã hoàn thành mặc dù hậu quả chết người không xảy ra nhưng người thực hiện hành vi có thể bị truy tố về tội "Giết người").

- Về yếu tố lỗi: Sau khi T. được can ngăn và tức hung khí (cọc màn kim loại) đã ngay lập tức dừng hành vi của mình lại, rồi tiếp tục đi trực. Điều này khẳng định bị can không quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng, không tìm mọi cách để tước đoạt bằng được mạng sống của nạn nhân. Khi được can ngăn, T. cũng không đe dọa, chống trả. Đồng thời, cũng không quay lại tấn công bằng được, không tiếp tục hành vi phạm tội.

Đối với trường hợp gây hậu quả chết người, T. có thể không mong muốn nhưng có ý thức để mặc nếu hậu quả xảy ra, do đó có thể khẳng định, T. thực hiện hành vi với lỗi cố ý gián tiếp. Nếu T. thực hiện hành vi với lỗi cố ý gián tiếp thì chỉ phải chịu trách nhiệm về tội "Giết người" khi hậu quả chết người thực sự xảy ra, trong trường hợp này bị can chỉ gây ra thương tích cho bị hại nên chỉ phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Từ những phân tích, lập luận như trên, bị can T. không phải chịu trách nhiệm về hành vi "Giết người", bởi vì trong trường hợp này, T. không mong muốn hậu quả chết người xảy ra, không quyết tâm bằng được tước đoạt mạng sống của bị hại và Lục Đức V. bị tổn thương cơ thể do thương tích là 99% do chấn thương sọ não di chứng thần kinh sống kiêu thực vật.

Một số quy định trong BLHS hiện nay, mặc dù đã có những văn bản hướng dẫn, mô tả cụ thể về hành vi khách quan của một số tội phạm, tuy nhiên qua nghiên cứu, đánh giá vẫn còn một số quy định chưa rõ ràng hoặc quy định còn thiếu những hành vi, trường hợp khác nhằm phản ánh đúng bản chất pháp lý của tội phạm. Chẳng hạn như những quy định về tội Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi.

BLHS hiện hành không mô tả cụ thể hành vi của tội phạm mà chỉ quy định “người nào dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”. Tuy nhiên, Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của BLHS đã quy định: “Dâm ô là hành vi của những người cùng giới tính hoặc khác giới tính tiếp xúc về thể chất trực tiếp hoặc gián tiếp qua lớp quần áo vào bộ phận

sinh dục, bộ phận nhạy cảm, bộ phận khác trên cơ thể của người dưới 16 tuổi có tính chất tình dục nhưng không nhằm quan hệ tình dục”. Qua đó, hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi có thể bao gồm một số dạng sau:

- Dùng bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm tiếp xúc (ví dụ: đụng chạm, cọ xát...) với bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm, bộ phận khác của người dưới 16 tuổi;

- Dùng bộ phận khác trên cơ thể (ví dụ: tay, chân, miệng, lưỡi...) tiếp xúc (ví dụ: vuốt ve, sờ, bóp, cấu véo, hôn, liếm...) với bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm của người dưới 16 tuổi;

- Dùng dụng cụ tình dục tiếp xúc (ví dụ: đụng chạm, cọ xát...) với bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm của người dưới 16 tuổi;

- Dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi dùng bộ phận khác trên cơ thể của họ tiếp xúc (ví dụ: vuốt ve, sờ, bóp, cấu véo, hôn, liếm...) với bộ phận nhạy cảm của người phạm tội hoặc của người khác;

- Các hành vi khác có tính chất tình dục nhưng không nhằm quan hệ tình dục (ví dụ: hôn vào miệng, cổ, tai, gáy... của người dưới 16 tuổi).”

Ngoài việc giải thích thế nào là hành vi dâm ô, Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐTP cũng quy định rõ về hành vi quan hệ tình dục khác từ đó làm cơ sở để phân biệt hành vi dâm ô và hành vi quan hệ tình dục khác. Theo đó hành vi quan hệ tình dục khác được hiểu là: *“hành vi của những người cùng giới tính hay khác giới tính sử dụng bộ phận sinh dục nam, bộ phận khác trên cơ thể (ví dụ: ngón tay, ngón chân, lưỡi...), dụng cụ tình dục xâm nhập vào bộ phận sinh dục nữ, miệng, hậu môn của người khác với bất kỳ mức độ xâm nhập nào, bao gồm một trong các hành vi sau đây:*

a) Đưa bộ phận sinh dục nam xâm nhập vào miệng, hậu môn của người khác;

b) Dùng bộ phận khác trên cơ thể (ví dụ: ngón tay, ngón chân, lưỡi...), dụng cụ tình dục xâm nhập vào bộ phận sinh dục nữ, hậu môn của người khác.”

Như vậy, theo Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐTP thì hành vi quan hệ tình dục khác phải là các hành vi có sự xâm nhập của bộ phận sinh dục nam vào miệng, hậu môn của người khác; hoặc sử dụng bộ phận sinh dục bộ phận khác, hoặc dụng cụ tình dục để xâm nhập vào bộ phận sinh dục nữ, hậu môn của người khác; còn đối với hành vi dâm ô thì chỉ dừng lại ở việc tiếp xúc (trực tiếp hoặc gián tiếp) bộ phận sinh dục và bộ phận nhạy cảm mà không nhằm xâm nhập vào bên trong.

Từ việc nghiên cứu nội dung các quy định trên, một số vướng mắc, bất cập phát sinh trong chính các quy định và có thể ảnh hưởng đến quá trình áp dụng pháp luật hình sự trong thực tiễn như sau:

Thứ nhất, trên thực tế, hành vi dâm ô không chỉ dừng lại ở việc tiếp xúc, động chạm giữa các bộ phận trên cơ thể của người phạm tội và người dưới 16 tuổi mà còn có thể là việc để cho người dưới 16 tuổi chứng kiến các hành vi tình dục của người phạm tội hoặc của người khác. Việc để cho người dưới 16 tuổi chứng kiến các hành vi tình dục của người phạm tội hoặc của người khác tuy không tác động trực tiếp đến cơ thể của người dưới 16 tuổi nhưng cũng có thể khơi gợi nhu cầu tình dục của người dưới 16 tuổi, gây ra những ảnh hưởng xấu đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của người dưới 16 tuổi. Do vậy, đây cũng được coi là một dạng của hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi.

Tuy nhiên, theo Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐTP thì hành vi dâm ô hiện nay chỉ giới hạn giữa việc tiếp xúc về thể chất trực tiếp hoặc gián tiếp qua lớp quần áo vào bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm, bộ phận khác trên cơ thể của người dưới 16 tuổi có tính chất tình dục nhưng không nhằm quan hệ tình dục. Còn hành vi buộc người dưới 16 tuổi trực tiếp chứng kiến các hành vi tình dục được giải thích là hành vi trình diễn khiêu dâm của tội sử dụng trẻ em vào mục đích khiêu dâm (Điều 147 BLHS năm 2015) nên không còn được coi là dâm ô đối với người dưới 16 tuổi.

Thứ hai, khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn: “*Dâm ô quy định tại khoản 1 Điều 146 của Bộ luật Hình sự là hành vi của những người cùng giới tính hoặc khác giới tính tiếp xúc về thể chất trực tiếp hoặc gián tiếp qua lớp quần áo vào bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm, bộ phận khác trên cơ thể của người dưới 16 tuổi có tính chất tình dục nhưng không nhằm quan hệ tình dục*”. Như vậy, theo quy định trên, mọi hành vi dâm ô đều phải là hành vi “có tính chất tình dục”.

Tại điểm đ khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐTP có hướng dẫn: “*Các hành vi khác có tính chất tình dục nhưng không nhằm quan hệ tình dục (ví dụ: hôn vào miệng, cổ, tai, gáy... của người dưới 16 tuổi)*”. Hướng dẫn này phải được hiểu là hành vi “hôn vào miệng” có thể là hành vi dâm ô, nhưng không có nghĩa tất cả các hành vi “hôn vào miệng” đều là hành vi dâm ô, mà phải xem xét hành vi đó có “tính chất tình dục” hay không như đã phân tích khái niệm ở trên. Tuy nhiên, việc quy định như hiện nay lại khiến gây nhầm lẫn: Hành vi “hôn vào miệng” là “hành vi khác có tính chất tình dục”, và khi có hành vi hôn vào

miệng thì đã đủ yếu tố cấu thành tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” mà không cần xét đến việc hành vi “hôn vào miệng” đó có tính chất tình dục hay không²⁰.

Ngoài ra, hành vi khách quan không chỉ là căn cứ xác định cấu thành tội phạm cơ bản mà trong một số trường hợp còn là cơ sở xác định tình tiết định khung hình phạt hoặc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Chẳng hạn như tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên” và “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”. Mặc dù đều có hướng dẫn cơ bản đầy đủ về hai tình tiết này²¹, tuy nhiên khi áp dụng vẫn còn có những vướng mắc nhất định.

Ví dụ: Do không có việc làm, không có thu nhập và để có tiền chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng trong thời gian từ ngày 08/8/2021 đến ngày 24/8/2021, Nguyễn Văn T. đã 11 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là các dây tiếp địa tại 11 trạm phát sóng của các nhà mạng Viettel, Vinaphone, Mobifone trên địa bàn huyện VY, tỉnh YB. T. đã 11 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, trong vụ án này T. là người không có nghề nghiệp, lấy kết quả của việc trộm cắp làm nguồn sống chính. T. đã 11 lần trộm cắp hành vi của T. cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tình tiết định khung tăng nặng “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của BLHS. Trong vụ án này có 02 quan điểm về áp dụng pháp luật:

Quan điểm thứ nhất cho rằng: Khi bị cáo T. đã bị áp dụng tình tiết định khung "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" thì không được áp dụng thêm tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 2 Điều 52 BLHS, các tình tiết đã được BLHS quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng. Cũng theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP, tình tiết “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” là tình tiết định khung hình phạt thì không được áp dụng tình tiết đó là tình tiết tăng nặng tương ứng quy định Điều 52 BLHS. Bị các đã bị áp dụng tình tiết định khung "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" tại điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS là thực hiện hành vi chiếm đoạt nhiều lần (nhiều hơn 02 lần trở lên) và lấy đó là nguồn sinh sống chính, cho nên không áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên”.

²⁰ Trần Đoàn Thanh Thịnh (2023), *Một số vấn đề về Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi*, Trang điện tử Tạp chí Tòa án nhân dân

²¹ Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Mục 5 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao

Quan điểm thứ hai cho rằng: khi T. đã bị áp dụng tình tiết định khung "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" thì vẫn phải áp dụng thêm tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, bởi lẽ Nguyễn Văn T. đã 11 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản"; chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Mặt khác, cũng theo tinh thần hướng dẫn tại Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/9/2019 có hướng dẫn tại Mục 4: "Trường hợp một người thực hiện nhiều lần cùng một loại hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu (ví dụ: nhiều lần phạm tội trộm cắp tài sản), mà tổng trị giá tài sản của các lần phạm tội thỏa mãn dấu hiệu định khung tăng nặng, nếu các lần phạm tội đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thì ngoài việc bị áp dụng khung hình phạt tương ứng với trị giá tài sản chiếm đoạt, họ còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Việc áp dụng khung hình phạt tăng nặng trong trường hợp này là căn cứ vào trị giá tài sản chiếm đoạt, còn việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" là căn cứ vào nhân thân và thái độ chấp hành pháp luật của người phạm tội, nên hoàn toàn không trái với quy định tại khoản 2 Điều 52 của BLHS (các tình tiết đã được BLHS quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng). Hơn nữa, việc áp dụng pháp luật như trên còn bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc xử lý trách nhiệm hình sự (quy định tại Điều 3 của BLHS), bảo đảm sự phân hóa tội phạm, cá thể hóa trách nhiệm hình sự, đồng thời bảo đảm sự công bằng trong việc xem xét cho hưởng án treo, tha tù trước thời hạn có điều kiện cũng như các chế định nhân đạo khác đối với người phạm tội.

Ví dụ, một người trộm cắp 02 lần mỗi lần 2.000.000 đồng. Do thuộc trường hợp "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS nên theo quy định tại Điều 65 của BLHS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP thì họ không được hưởng án treo. Tuy nhiên, giả sử hai lần trộm cắp đó có tổng trị giá tài sản là 50.000.000 đồng, nếu Tòa án chỉ căn cứ vào trị giá tài sản để áp dụng tình tiết định khung "chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng", mà không căn cứ vào nhân thân và thái độ chấp hành pháp luật của người phạm tội để áp dụng tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" thì họ vẫn có thể được hưởng án treo. Việc áp dụng như vậy sẽ

không bảo đảm nguyên tắc công bằng và phù hợp trong việc xử lý²². Do đó, ở ví dụ trên thì quan điểm thứ hai là hoàn toàn phù hợp.

Hay như đối với nhóm tội phạm về ma túy, hiện vẫn còn có nhiều cách hiểu và nhận thức khác nhau về tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên”, dẫn đến việc còn có trường hợp Tòa án xét xử bị cáo khác khoản với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, cụ thể như vụ án sau đây²³:

Ngày 08/7/2018 CQĐT huyện H, tỉnh T, bắt quả tang H.V.T đang trên đường mang 0,064 gam Heroin đến nơi hẹn để bán cho N.V.M, khi chưa kịp bán thì bị bắt giữ. Qua xác minh, sau khi biết T bị bắt, M đã bỏ đi khỏi địa phương nên CQĐT không ghi được lời khai của M. Quá trình điều tra, T khai nhận trước đó đã bán ma túy cho nhiều người nghiện ma túy, ngày 06/7/2018 T đã bán cho K 01 gói ma túy loại Heroin với giá 200.000đ. CQĐT huyện H đã khởi tố vụ án, bị can và ra lệnh tạm giam đối với H.V.T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, kết thúc điều tra vụ án và đề nghị truy tố đối với H.V.T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS.

Ngày 22/10/2018, VKSND huyện H đã ban hành bản Cáo trạng truy tố đối với H.V.T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS (phạm tội 02 lần trở lên). Ngày 25/11/2018 TAND huyện H đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, KSV công bố Cáo trạng, đề nghị:

Về tội danh: Bị cáo H.V.T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về mức hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt H.V.T từ 8 đến 9 năm tù, phạt bổ sung 05 đến 07 triệu đồng,

Về xử lý vật chứng, án phí: Theo quy định.

HDXX nhận định: Bản thân T là người nghiện ma túy nên đã mua ma túy về bán lại để lấy lãi (lời) sử dụng. Ngày 06/7/2018, T đã bán cho K 01 gói ma túy loại Heroin với giá 200.000đ, mặc dù không thu giữ được vật chứng nhưng việc mua bán đã hoàn thành và K khai nhận phù hợp với T về thời gian, địa điểm, số tiền mua ma túy, vì vậy tách riêng lần này thì hành vi của K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS. Về hành vi bị bắt quả tang ngày 08/7/2018 thì T chỉ đang trên đường mang ma túy đi bán cho M nhưng chưa gặp và chưa bán được cho M (chưa giao ma túy, chưa nhận tiền), mặt khác CQĐT không ghi được lời khai của M nên không xác

²² Nguyễn Tứ (2022), *Bàn về việc áp dụng quy định “phạm tội 02 lần trở lên” và “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”*, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam

²³ Dương Văn Thịnh (2019), *Cần thống nhất nhận thức áp dụng tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định của BLHS năm 2015*, Công thông tin điện tử Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao

định được ý định của M là có mua ma túy của T hay không, mặt khác không thể chỉ căn cứ duy nhất vào lời khai nhận tội của T để xác định T bán ma túy cho M, vì vậy việc VKS truy tố T theo điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS là không có căn cứ, do đó T chỉ phạm tội theo khoản 1 Điều 251 BLHS. Trên cơ sở đó HĐXX đã áp dụng khoản 1 Điều 251 BLHS xử phạt bị cáo H.V.T 24 tháng tù, phạt bổ sung 05 triệu đồng, xử lý vật chứng, án phí theo quy định.

Ngày 02/12/2018 VKSND huyện H đã ban hành kháng nghị phúc thẩm đối với phần hình phạt của bản án sơ thẩm của Tòa án ND huyện H theo hướng áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS để xử phạt đối với bị cáo H.V.T.

Đối với vụ án này, chúng tôi thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát đã truy tố đối với H.V.T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS vì những lý do sau đây:

Thứ nhất: Tài liệu điều tra có đủ căn cứ xác định T đã thực hiện hành vi bán trái phép cho K 01 gói Heroin vào ngày 06/7/2018 với giá 200.000đ (T khai nhận phù hợp với K), do đó tách riêng hành vi này của T thì đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Thứ hai: Theo hướng dẫn tại tiêu mục 3.3, mục 3, phần II Thông tư liên tịch số 17/2007 thì Mua bán trái phép là một trong các hành vi sau đây: a)...b) Mua *chất ma túy nhằm* bán trái phép cho người khác. Như vậy, người phạm tội chỉ cần có mục đích là “*nhằm*” để bán trái phép chất ma túy cho người khác là đã cấu thành tội phạm này, việc có người hỏi mua hoặc đã giao được ma túy, nhận được tiền hay chưa, nguồn gốc chất ma túy ở đâu, bán hơn hay bằng với giá mua, có lãi hay không có lãi?...chỉ có ý nghĩa trong việc phân định tội này đối với một số tội phạm về ma túy khác như các tội Tàng trữ, vận chuyển, chiếm đoạt trái phép chất ma túy....chứ không có ý nghĩa trong việc định tội, và đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy thì không có trường hợp phạm tội chưa đạt (Điều 15 BLHS). Trong trường hợp nếu người phạm tội biết rõ đó không phải là túy nhưng vẫn mang bán cho người khác thì họ không phạm tội này.

Đối chiếu với trường hợp của T thấy: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, T không thay đổi lời khai là mang ma túy đi bán cho M như đã thỏa thuận trước, việc khai báo là hoàn toàn tự nguyện, công khai, không bị ép buộc gì, T chưa đến được điểm hẹn và chưa bán được ma túy cho M là do điều kiện khách quan, không phải do ý thức chủ quan của T tự chấm dứt việc phạm tội. Mặt khác, lời khai của T là phù hợp với người chứng kiến, vật chứng thu giữ. Nếu tách riêng hành vi của T trong lần phạm tội bị bắt quả tang này thì cũng đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS. Như vậy, hành vi của H.V.T đã phạm 02 lần cùng một tội danh trong đó

chưa lần nào bị xét xử. Căn cứ theo hướng dẫn tại tiểu mục 2.3 mục 2 phần I Thông tư số 17/2007 để xác định truy tố H.V.T theo khoản 2 Điều 251 BLHS với tình tiết định khung tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

2. Một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hành vi khách quan trong trường hợp tội phạm chưa hoàn thành

Các giai đoạn thực hiện tội phạm là các mức độ thực hiện tội phạm cố ý, bao gồm chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành. Theo luật hình sự Việt Nam, vấn đề các giai đoạn thực hiện tội phạm chỉ đặt ra đối với tội cố ý trực tiếp. Đối với tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý gián tiếp hay vô ý chỉ có thể có trường hợp có tội và không có tội, việc xác định tội phạm dựa trên việc hậu quả của tội phạm đã xảy ra, hậu quả xảy ra tới đâu xác định trách nhiệm đến đó. Ở những tội này, người phạm tội không mong muốn tội phạm xảy ra cho nên không thể quy định có việc “chuẩn bị” hay “chưa đạt” để buộc họ phải chịu TNHS về điều chưa xảy ra và họ cũng không mong muốn nó xảy ra²⁴. Điều 14, 15 BLHS quy định về chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, theo đó xác định: “*Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm, trừ trường hợp thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 của Bộ luật này*”, “*Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội*”²⁵, Điều 16 BLHS quy định về tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội: “*Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản*”²⁶.

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, việc xác định hành vi khách quan không chỉ là căn cứ định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội mà còn qua đó xác định giai đoạn phạm tội của mỗi tội phạm cụ thể.

Ví dụ: Vũ Văn Mạnh và chị Mai Thị Ngọc chung sống không đăng ký kết hôn và có 01 con trai tên Vũ Nhật Minh, sinh ngày 28/7/2010. Mạnh và chị Ngọc thuê phòng trọ số 9, E23, tổ 3, khu phố 5, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai để ở. Do có mâu thuẫn tình cảm với chị Ngọc, khoảng 21 giờ ngày 04/6/2012 Mạnh và chị Ngọc cãi nhau, Mạnh đã đe dọa giết chết cháu Minh nên

²⁴ Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội

²⁵ Quốc hội (2017), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội, Điều 14, Điều 15

²⁶ Quốc hội (2017), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội, Điều 16

xuống bếp lấy 01 con dao Thái Lan dài 25 cm đe dọa đâm chết cháu Minh. Nghe tin Mạnh và chị Ngọc cãi nhau, mẹ của chị Ngọc là bà Nguyễn Thị Lái và người cháu là Nguyễn Văn Biên đến phòng trọ của chị Ngọc yêu cầu Mạnh mở cửa để nói chuyện nhưng Mạnh không cho mở cửa mà nói sẽ đâm chết cháu Minh rồi đi ở tù. Mạnh cầm dao lao đến đâm cháu Minh nhưng không trúng, chị Ngọc vội ôm cháu Minh và dùng thân che chắn cho cháu Minh, Mạnh vẫn tiếp tục dùng dao đâm nhiều nhất trúng cả hai mẹ con, đâm trúng người cháu Minh (01 nhất trúng ngực trái, 03 nhất trúng vai phải) và trúng người (tay và đùi) chị Ngọc, hậu quả tỷ lệ thương tật (toàn bộ) của cháu Minh là 7%, chị Ngọc là 11%.

Cáo trạng số 3109/CT-VKS-P1A ngày 06/12/2012 của VKSND tỉnh Đồng Nai truy tố Vũ Văn Mạnh về tội “Giết người” quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 93, Điều 18 BLHS năm 1999 và tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999.

Hành vi của bị cáo Mạnh sử dụng hung khí (là con dao Thái lan dài 25 cm) đâm nhiều nhất vào người cháu Minh thể hiện ý thức muốn tước đi sinh mạng của cháu Minh như lời Mạnh đã hăm dọa. Khi chị Ngọc dùng thân che chắn cho cháu Minh, Mạnh vẫn tiếp tục dùng dao đâm nhiều nhất vào người cháu Minh và chị Ngọc. Khi phân tích hành vi phạm tội của Mạnh đối với chị Ngọc, tuy Mạnh không có ý định gây thương tích cho chị Ngọc nhưng Mạnh biết rõ việc sử dụng dao Thái Lan đâm vào người cháu Minh là rất nguy hiểm, chị Ngọc dùng thân che chắn cho cháu Minh thì rất có thể sẽ bị thương nếu Mạnh không dừng lại, thực tế Mạnh đã không dừng lại và thực hiện hành vi quyết liệt hơn dẫn đến gây ra thương tích cho cả cháu Minh và chị Ngọc. Do vậy, căn cứ vào hành vi thực hiện tội phạm đối với cháu Minh, Mạnh bị kết án về tội “Giết người” (phạm tội chưa đạt) quy định điểm c Khoản 1 Điều 93, Điều 18 BLHS năm 1999; hành vi vi phạm đối với chị Ngọc, Mạnh bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích” (Khoản 2 Điều 104 BLHS) theo Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2013/HSST ngày 28/3/2013 của TAND tỉnh Đồng Nai.

Như vậy, trong vụ án này chỉ bằng một hành vi dùng hung khí đâm người khác nhưng Mạnh đã bị truy tố và xét xử về 2 tội danh là tội “Giết người” (phạm tội chưa đạt) và tội “Cố ý gây thương tích”.

Thực trạng hiện nay cho thấy, hành vi khách quan trong các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành (chủn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt) đôi khi khó phân biệt, có thể nhầm lẫn sang hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm cơ bản của tội phạm khác. Chẳng hạn hành vi khách quan của tội Đe dọa giết người trong nhiều trường hợp rất khó phân biệt với hành vi khách quan trong các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành của tội Giết người.

Điều 133 BLHS 2015 đã quy định cụ thể về tội phạm đe dọa giết người: “Người nào đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm: a) Đối với 2 người trở lên; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân; d) Đối với người dưới 16 tuổi; đ) Để che giấu hoặc trốn tránh việc bị xử lý về một tội phạm khác.”

Tuy nhiên, việc chứng minh “người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện” trong tội đe dọa giết người hay phạm tội chưa đạt trong tội phạm khác trong nhiều trường hợp còn nhiều quan điểm khác nhau²⁷.

Đơn cử tình huống sau đây: Mai Ngọc C và chị Phạm Thị Hồng Đ là vợ chồng từ năm 2007 và có hai con chung. Khoảng giữa năm 2019, C không còn quan tâm chăm lo cho gia đình, xảy ra mâu thuẫn nên chị Đ dọn ra ở riêng tại số 97/40 đường X, Phường C, quận D. Còn C ở tại chỗ làm tại số 30A đường Y, Phường C, quận D. Các con được gửi về quê cho ông bà ngoại chăm sóc. Sau khi ly thân, do ghen tuông nên C có nhắn tin, gọi điện thoại đe dọa giết chị Đ.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 02/4/2020, C gọi điện cho chị Đ để thông báo con ở quê bị bệnh nhưng không liên lạc được do đã bị chặn số, C bèn đến nhà số 97/40 đường X, Phường C, quận D tìm chị Đ nhưng cũng không gặp. Trên đường quay về, C thấy có một người đàn ông chở chị Đ đi ngang qua, C kêu cả hai dừng lại nhưng không được. C đến tiệm làm tóc của chị Phạm Thị H (bạn thân của chị Đ) tại địa chỉ số 97/36 đường X nhất 01 khúc gỗ dài khoảng 01 mét đập vào cửa sắt của tiệm tóc yêu cầu chị H gọi điện cho chị Đ về gấp.

Sau đó, C quay về chỗ làm, mượn điện thoại của bạn gọi điện tiếp cho chị Đ, yêu cầu chị Đ về nói chuyện. C quay lại tiệm làm tóc của chị H thì thấy chị Đ đi bộ vào trong tiệm. C đập tay vào cửa sắt kêu chị Đ ra nói chuyện nhưng chị Đ không ra. C đe dọa sẽ giết chị Đ. Chị Đ nói “Mày không đi thì tao gọi Công an bắt mày”. Bực tức, C nảy sinh ý định mua xăng về đe dọa giết chị Đ. C đạp xe đến tiệm tạp hóa mua một bình nhựa, bỏ vào túi nhựa màu đen rồi đạp xe đến cửa hàng xăng dầu tại số 293 đường Z, Phường E, quận D mua 52.000 đồng tiền xăng Ron 92. Sau đó, C quay lại dựng xe trước nhà số 97/36 đường X, giấu can nhựa chứa xăng vào gốc cây gần đó. C đến tiệm làm tóc gọi chị Đ nhưng chị Đ không ra.

²⁷ Vũ Thành Huy (2022), *Mai Ngọc C có phạm tội đe dọa giết người theo Điều 133 BLHS 2015*, Tạp chí điện tử Tòa án nhân dân

Một lúc sau, có một phụ nữ đi vào tiệm làm tóc nên C đi vào nhưng chị H không cho vào, dọa sẽ báo Công an. Khoảng 2 phút sau, chị Đ đi ra, cả hai ngồi nói chuyện phía trước tiệm làm tóc được một lúc thì cãi nhau. C đe dọa sẽ giết chị Đ, chị Đ thách thức và đứng lên đi về phía tiệm làm tóc. C chạy đến gốc cây lấy can xăng đuổi theo chị Đ, tay phải C cầm can xăng, tay trái mở nắp can và nói “mày tin không, tao giết mày”. Thấy vậy, chị Đ bỏ chạy về phía đầu hẻm 97 đường X và chạy vào một nhà dân. C chạy đuổi theo.

Khi chạy được dăm mét thì C giữ được chị Đ, C đổ xăng từ trên đầu xuống hết người chị Đ và hỏi “Mày chừa chưa... mày chừa chưa”. Chị Đ hoảng sợ van xin C “Em chừa rồi, tha cho em, em còn con”. C tiếp tục kéo chị Đ đến trước số 97/20 đường X, ép chị Đ ngồi xuống rồi đổ hết số xăng còn lại lên người chị Đ và C. C ném can xăng đi, lấy trong túi quần đang mặc 01 hộp quẹt ga màu vàng cầm trong lòng bàn tay (chưa để ngón tay vào bộ phận đánh lửa). C nói với chị Đ “Tao cho mày chết, tao với mày cùng chết”. Lúc này, thấy có người dân đến can ngăn nên C để ngón tay cái vào bộ phận đánh lửa và đưa hộp quẹt ga lên dọa nếu ai can ngăn thì C sẽ châm lửa đốt cháy, đồng thời C chẹt hộp quẹt ga 02 cái nhưng không lên ngọn lửa (C không rõ có phát ra tia lửa hay không). Trong lúc C đe dọa sẽ châm lửa đốt cháy cả C và chị Đ thì người dân đã can ngăn, đập cho C một cái và lấy hộp quẹt ga trên tay C. Sau đó, C đứng dậy bỏ đi thì Công an có mặt đưa C về trụ sở làm việc.

Hiện có các quan điểm khác nhau với tội danh của Mai Ngọc C.

Quan điểm thứ nhất: Mai Ngọc C có dấu hiệu của tội phạm giết người dù ban đầu mục đích của C chỉ là đe dọa giết chị Đ, nhưng sau đó C đã có hành vi đổ xăng lên người chị Đ dù chị Đ đã van xin nhưng C không dừng lại mà tiếp tục đổ nốt xăng lên người C và đe dọa nếu sẽ châm lửa. Không dừng lại ở việc đe dọa, C đã dùng hộp quẹt gas và chẹt hộp quẹt gas 2 cái thì bị người dân sử dụng vũ lực để ngăn chặn, tuy C chưa đánh được lửa trên chiếc hộp quẹt gas đã bị người dân ngăn cản bằng vũ lực nhưng C có thể thấy trước được hậu quả có thể sẽ làm chị Đ nguy hiểm đến tính mạng và C cũng đã có khoảng thời gian để lựa chọn hành vi của mình chứ không phải là hành động bột phát do bị người dân can ngăn bằng vũ lực ngay. Do vậy có thể thấy C đã có dấu hiệu của tội giết người, trong trường hợp phạm tội chưa đạt.

Quan điểm thứ hai: Mai Ngọc C chỉ dừng lại ở việc đe dọa giết người chứ không có mục đích giết chị Đ. Dù C có thể thấy trước được hậu quả nhưng do lo sợ bị người dân xung quanh vây bắt và ngăn cản trong lúc hoảng loạn nên C có hành vi đánh lửa để đe dọa người dân không lại gần C để ngăn cản.

Từ hai quan điểm trên có thể thấy rằng, việc chứng minh mục đích của C chỉ là đe dọa hay sẵn sàng giết người là vấn đề khó xác định trong các vụ án cụ thể khác.

Xuất phát từ thực trạng hiện nay cho thấy việc xét xử các vụ án liên quan đến tội danh “Đe dọa giết người” là không nhiều do khó khăn trong việc điều tra chứng minh bị can có đủ điều kiện bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay không; nạn nhân có thực sự lo sợ khi bị đe dọa hoặc có những đối tượng liều lĩnh dù bị kề dao vào cổ dọa giết cũng không hề lo sợ mà còn thách thức ngược lại đối tượng đe dọa. Chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể và thống nhất xử lý các hành vi có dấu hiệu vi phạm để xử lý các đối tượng côn đồ, những nhiều, coi thường pháp luật. Vì vậy trong thời gian tới cần có văn bản hướng dẫn về vấn đề đe dọa giết người để kịp thời đấu tranh với loại tội phạm này trong tình hình hiện nay.

Như vậy, có thể thấy rằng, trên thực tế, dấu hiệu hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm có ảnh hưởng tới nhiều chế định khác nhau trong quy định của BLHS, trong đó có những chế định về những trường hợp tội phạm chưa hoàn thành. Việc xem xét hình thức biểu hiện của hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm là cơ sở quan trọng để đánh giá các tình tiết khác nhau trong vụ án, góp phần đảm bảo quá trình xét xử được công bằng, khách quan và nghiêm minh, truy cứu TNHS đúng người, đúng tội.

3. Một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hành vi khách quan trong trường hợp đồng phạm

Khoản 1 Điều 17 BLHS quy định: “Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”. Khoản 3 Điều 17 BLHS quy định có 04 loại người đồng phạm đó là: người tổ chức, người thực hành, người xúi giục và người giúp sức. Trong đó, người xúi giục được xác định là một loại người đồng phạm, bên cạnh người tổ chức, người thực hành và người giúp sức. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 BLHS thì người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm. Theo lý luận của khoa học luật hình sự thì hành vi xúi giục có các đặc điểm như sau: hành vi xúi giục phải trực tiếp; hành vi xúi giục phải cụ thể; hành vi xúi giục phải có trước hành vi thực hiện tội phạm và là nguyên nhân dẫn đến hành vi đó; mức độ nghiêm trọng của hành vi xúi giục phụ thuộc vào bản chất của người xúi giục, người bị xúi giục và mối quan hệ giữa họ.

Tuy nhiên, hiện nay với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, thế giới mạng, trong đó nảy sinh nhiều hành vi có dấu hiệu của tội phạm trên không gian mạng. Việc nhận diện và xử lý những hành vi này hiện nay vẫn còn đặt ra nhiều vấn đề cần phải chú ý, đặc biệt là việc xác định hành vi xúi giục trên không gian

mạng, từ đó làm cơ sở xác định đồng phạm. Để hiểu rõ hơn thực tiễn áp dụng pháp luật đối với hành vi xúi giục trong đồng phạm trên không gian mạng, có thể xem xét ví dụ sau:

Vào ngày 18/4/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức phiên tòa sơ thẩm xét xử 12 bị cáo bị truy tố về tội Hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân²⁸. Theo cáo trạng, các bị cáo đều là thành viên của tổ chức khủng bố “Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời” (CPQGVNLT) do Đào Minh Q – một đối tượng phản động lưu vong có trụ sở nước ngoài – đứng đầu. Tổ chức này hoạt động với mục đích xuyên tạc, tuyên truyền và khuyến khích lật đổ chế độ hiện hành của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua các hành động bạo động vũ trang, đồng thời nhằm xây dựng một hệ thống chính trị mới theo hình thức “Việt Nam cộng hòa”.

Tại TP Hồ Chí Minh, bị cáo Trần Thị Ngọc Xuân, được xem là bị cáo đầu vụ, đã nhận được sự hướng dẫn trực tiếp từ đối tượng cốt cán của tổ chức – cụ thể là từ Lâm Ái Huê, một trong những “đại tá, cục trưởng” của CPQGVNLT – về thủ tục đăng ký thành viên. Xuân được chỉ đạo sử dụng tài khoản Facebook để phát trực tuyến các nội dung kêu gọi người dân tham gia tổ chức và thực hiện “trung cầu dân ý”. Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 6/2018, Xuân không những tự mình đăng tải các bài viết tuyên truyền mà còn lôi kéo, hướng dẫn 06 người gồm chồng, hai con ruột và ba người quen của gia đình Xuân làm thủ tục tham gia tổ chức. Thậm chí, ở một số trường hợp, Xuân được gửi qua Facebook các tài liệu xuyên tạc, nội dung “Hiến pháp lâm thời” và các văn bản tuyên truyền nhằm bôi nhọ chế độ hiện hành.

Bên cạnh đó, vào ngày 19/2/2019, lợi dụng chuyến đi thăm các hộ gia đình nghèo tại phường Tam Bình, TP Thủ Đức, Xuân đã mang theo 05 bộ tài liệu in ra để tuyên truyền, phát cho mỗi hộ một bộ. Trong quá trình hoạt động, Xuân còn được tặng thêm các thiết bị như điện thoại di động và tiền mặt (300 USD, 400 CAD và 3 triệu đồng) như một hình thức khích lệ và phần thưởng cho những hành vi tuyên truyền của mình.

Tương tự, các bị cáo khác như Nguyễn Thanh Xoan và Trần Văn Long cũng đã sử dụng tài khoản trên mạng xã hội để đăng tải các nội dung tuyên truyền, đồng thời lôi kéo, hướng dẫn người khác tham gia bỏ phiếu “trung cầu dân ý” nhằm bầu cho Đào Minh Q làm “Tổng thống Đệ tam Việt Nam Cộng hòa”. Cụ thể, Xoan được chỉ đạo qua các kênh số của tổ chức bởi La Ngọc Duyên – một trong những đối tượng cốt cán – để tham gia hoạt động này; trong khi Trần Văn

²⁸ <https://cand.com.vn/Ban-tin-113/12-bi-cau-pham-toi-hoat-dong-nham-lat-do-chinh-quyen-nhan-dan-lanh-an-1650711/>

Long đã sử dụng thông tin cá nhân của hơn 20 người để đăng ký tham gia “trung cầu dân ý”.

Trong quá trình điều tra, cơ quan chức năng đã thu thập được rất nhiều bằng chứng số cho thấy các bị cáo đã chủ động sử dụng các thiết bị điện tử như điện thoại thông minh, máy tính bảng và máy tính cá nhân để truy cập Internet, đăng tải nội dung tuyên truyền. Không chỉ dừng lại ở việc đăng tải thông tin trên mạng xã hội, các bị cáo còn sử dụng các thiết bị số để tham gia các cuộc họp trực tuyến. Các cuộc họp này được tổ chức qua phần mềm FCC – một ứng dụng họp trực tuyến miễn phí với tính bảo mật cao, cho phép số lượng lớn người tham gia. Thông qua FCC, các bị cáo có cơ hội tiếp nhận chỉ đạo trực tiếp từ các lãnh đạo của tổ chức CPQGVNLT và cũng như trao đổi, bàn bạc về các phương thức tuyên truyền, phát tán thông tin và phương án kích động đồng phạm. Qua đó, bị cáo không chỉ đơn thuần là tiếp nhận thông tin mà còn chủ động xúi giục các đối tượng khác bằng cách hướng dẫn, khuyến khích và chia sẻ các bài viết, hình ảnh và video có nội dung chống lại chế độ hiện hành. Những nội dung này không chỉ mang tính chất tuyên truyền mà còn có tác dụng kích động tinh thần phản động, thúc đẩy người xem tự nguyện tham gia vào các hoạt động vi phạm pháp luật. Qua đó cho thấy rõ ràng các bị cáo đã hoạt động trên không gian mạng với mục đích kích động, hướng dẫn và dụ dỗ người khác cùng thực hiện tội phạm.

Bên cạnh đó, khi xem xét về mối liên hệ giữa hành vi xúi giục và hành vi của người thực hành có thể thấy rằng hành vi xúi giục đã tác động trực tiếp, cụ thể đến người đồng phạm khác để kích động, thúc đẩy họ thực hiện tội phạm. Các hành vi đăng tải thông tin, chia sẻ bài viết trên Facebook và các nền tảng số đã tạo ra “làn sóng” tuyên truyền, khiến những người xem bị ảnh hưởng, tác động, từ đó tự nguyện tham gia vào các hoạt động “trung cầu dân ý”. Những người này sau đó chuyển từ trạng thái tiếp nhận thông tin sang hành động thực tế bằng cách tham gia các cuộc họp trực tuyến qua FCC, tham gia đăng ký, phát tán thêm các nội dung tuyên truyền và trực tiếp kích động, lôi kéo người khác. Như vậy, hành vi xúi giục qua không gian mạng không chỉ dừng lại ở việc đăng tải thông tin mà còn dẫn đến việc thực hiện hành vi phạm tội của các đồng phạm, góp phần làm lan rộng các hoạt động phạm tội trên diện rộng. Qua đó, các tình tiết của vụ án đã thể hiện rõ mối liên hệ chặt chẽ giữa hành vi xúi giục qua không gian mạng và hành vi của người thực hành. Những hành vi của các bị cáo đã tạo thành một hệ thống “xúi giục” và “thực hiện” có tính chủ động, đồng bộ và lan rộng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh quốc gia và trật tự xã hội. Để làm rõ mối liên hệ này, các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải chứng minh qua các nguồn chứng cứ được thu thập, đánh giá, bao gồm: điện thoại thông minh, máy tính bảng và máy

tính cá nhân để truy cập Internet, các bài đăng trên Facebook, các email, tin nhắn và các dữ liệu ghi lại cuộc họp trực tuyến. Từ đó tạo thành cơ sở pháp lý vững chắc để Tòa án tuyên phạt nghiêm khắc nhằm răn đe và ngăn chặn các hành động tương tự trong tương lai.

Bên cạnh đó, khi xác định giai đoạn phạm tội trong đồng phạm, về lý luận nếu những người đồng phạm (bao gồm người xúi giục) không thực hiện tội phạm được đến cùng do những nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của những người đồng phạm thì tội phạm được thực hiện đến đâu, đến giai đoạn nào thì trách nhiệm hình sự của họ được xác định đến đó²⁹. Ngoài ra, đặc biệt chú ý trong trường hợp nếu người xúi giục kích động người nào đó với mong muốn họ sẽ thực hiện tội phạm theo sự xúi giục của mình nhưng sau đó người bị xúi giục hoàn toàn không thực hiện theo sự xúi giục thì đây là trường hợp đặc biệt của chuẩn bị phạm tội³⁰. Do đó, người xúi giục phải chịu trách nhiệm hình sự ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Bởi vì người xúi giục đã có ý định phạm tội và để thực hiện tội phạm này người xúi giục đã có hành vi xúi giục người khác thực hiện tội phạm. Hành vi của người xúi giục đã đặt các quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ vào tình trạng bị đe dọa xâm hại, đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Việc tội phạm không xảy ra là do những nguyên nhân ngoài ý muốn. Hành vi xúi giục của họ được xem như là hành vi chuẩn bị để thực hiện tội phạm.

Tuy nhiên, trên thực tế khi xem xét một số trường hợp, việc đánh giá trách nhiệm hình sự đối với hành vi của người xúi giục trong trường hợp chưa đưa đến việc thực hiện tội phạm vẫn còn một số vấn đề vướng mắc.

Ví dụ: Vào tháng 6/2019, dư luận xôn xao về việc ca sĩ Đàm Vĩnh Hưng đăng tải lời lẽ kêu gọi hành hung một người cha bạo hành con nhỏ. Cụ thể, trên trang Facebook cá nhân, Đàm Vĩnh Hưng đã viết những lời thúc giục giới “giang hồ” dạy cho người cha này “những cái tát liên tục vô mặt” và treo “giải thưởng 20 triệu... cho ai tát vào mặt nó liên tục y chang như vậy”, thậm chí còn dặn “nhớ quay clip” lại. Bài đăng công khai của một người nổi tiếng ngay lập tức thu hút hàng chục nghìn lượt tương tác, tạo ra một làn sóng phẫn nộ và kêu gọi “thay trời hành đạo” trong cộng đồng mạng. Hành vi của Đàm Vĩnh Hưng rõ ràng mang tính xúi giục bạo lực rất cao và đặt ra câu hỏi về tính hợp pháp.

Mặc dù vụ việc này không dẫn đến một vụ án hình sự cụ thể nào (không có thông tin về việc có người thực sự đi “tát” nạn nhân theo lời kêu gọi) nhưng đã

²⁹ Cục Đào tạo – Bộ Công an (2021), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần những quy định chung)*, dùng chung đào tạo trình độ đại học trong Công an nhân dân, Nxb Lao Động, Hà Nội, tr.141-142

³⁰ Phí Thành Chung (2016), *Trách nhiệm hình sự của đồng phạm trong các giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm và trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội*, Tạp chí Luật học, số 1/2016, tr.11-18

này sinh những quan điểm khác nhau khi xem xét về góc độ pháp lý. Có quan điểm nhận định rằng việc kêu gọi người khác, dù bằng bất cứ bằng phương tiện gì, để thực hiện một hành vi vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật. Đó sự kích động, xúi giục cho bạo lực. Tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi mà có thể bị xử lý hành chính hoặc hình sự. Ngoài ra, nếu người bị kích động, xúi giục thực hiện hành vi phạm tội, tức cấu thành một tội phạm theo quy định tại BLHS thì người xúi giục có thể bị truy cứu với vai trò là đồng phạm, trong một số trường hợp ở vai trò tổ chức³¹. Đồng thời, trong trường hợp này cần phải chứng minh sau khi tội phạm được thực hiện, người xúi giục đã thực hiện theo đúng như nội dung đã xúi giục (trả tiền cho người thực hành như đã cam kết, hứa hẹn trên không gian mạng). Từ đó mới đảm bảo mối liên hệ giữa hành vi xúi giục với tội phạm mà người thực hành đã thực hiện. Ngược lại, có quan điểm cho rằng nếu chưa có ai thực hiện hành vi bạo lực đó, thì hành vi kêu gọi của Đàm Vĩnh Hưng trước mắt có thể bị xử lý dưới góc độ hành chính (đối với hành vi sử dụng các mạng xã hội kích động bạo lực theo điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ) hoặc ít nhất là bị công luận lên án mạnh mẽ. Thực tế, ngay sau vụ việc, ca sĩ này đã gỡ bài và công khai xin lỗi về hành vi sai trái đã thực hiện³². Vụ Facebook Đàm Vĩnh Hưng là một minh họa điển hình: hành vi xúi giục trên mạng xã hội có sức lan tỏa lớn, có thể gây hậu quả nghiêm trọng nhưng việc xử lý hình sự đòi hỏi phải chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa lời kêu gọi và hành vi phạm tội cụ thể. Cơ quan điều tra muốn truy cứu người kêu gọi thì phải chứng minh được người phạm tội có hành vi do ảnh hưởng từ lời kêu gọi đó. Nếu người phạm tội thực hiện hành vi trước khi có lời kêu gọi hoặc không hề bị tác động bởi lời kêu gọi (hành động hoàn toàn độc lập) thì không thể quy kết trách nhiệm hình sự cho người kêu gọi được. Điều này nêu lên thách thức trong việc đánh giá chứng cứ chứng minh hành vi xúi giục trên không gian mạng: cần xác định người xúi giục có liên hệ đủ mạnh với người thực hành hay không. Ở vụ việc này, do chưa có hành vi phạm tội được thực hiện theo sự kích động, Đàm Vĩnh Hưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng sự việc trên cũng đã đặt ra vấn đề về ranh giới mong manh giữa biểu hiện thái độ tiêu cực trên không gian mạng và hành vi vi phạm pháp luật.

³¹ Báo điện tử Đầu tư (2019), *Facebook Đàm Vĩnh Hưng có dấu hiệu phạm luật khi xúi giục bạo lực*, <https://baodautu.vn/facebook-dam-vinh-hung-co-dau-hieu-pham-luat-khi-xui-giuc-bao-luc-d109657.html>

³² <https://laodong.vn/giai-tri/dam-vinh-hung-len-tieng-xin-loi-vu-xui-giuc-danh-nguoi-762095.ldo>

II. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH VI KHÁCH QUAN TRONG CẤU THÀNH TỘI PHẠM

1. Các yêu cầu đối với việc xác định hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm

Yêu cầu về cải cách tư pháp

Cải cách tư pháp đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp bách. Trong thời gian qua, hoạt động cải cách tư pháp đã đạt được nhiều thành tựu. Nhiều chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp được thể chế trong Hiến pháp, pháp luật và được triển khai đạt kết quả. Tổ chức bộ máy tòa án, viện kiểm sát, cơ quan hỗ trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn; chất lượng hoạt động có tiến bộ. Mặc dù vậy, cải cách tư pháp vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của đổi mới, góp phần thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, một lần nữa Đại hội Đảng lần thứ XII khẳng định mục tiêu chiến lược là xây dựng nền tư pháp “*trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*”.

Thực tiễn cho thấy, cải cách tư pháp ở Việt Nam cần hướng theo:

Thứ nhất, cải cách tư pháp phải luôn hướng, bám sát với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng. Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng thay đổi theo từng thời kỳ, từng giai đoạn nên việc cải cách cũng cần thay đổi theo từng thời kỳ, từng giai đoạn để bám sát được với chủ trương, chính sách của Đảng.

Thứ hai, việc cải cách tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp phải được đặt dưới sự giám sát của nhân dân. Theo Khoản 1 Điều 2 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 thì: “*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân*” vì vậy việc giám sát của nhân dân về việc cải cách tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp phù hợp với Hiến pháp, nêu lên được vai trò to lớn của Nhân dân trong công cuộc cải cách tư pháp.

Thứ ba, việc cải cách tư pháp cần ứng dụng thành quả của công nghệ thông tin hiện đại trong hoạt động của các cơ quan tư pháp. Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện nay rất cần thiết cho các cơ quan tư pháp, đã giúp cho các cán bộ dễ dàng thực hiện công việc của mình hơn, giúp việc tra cứu văn bản dễ dàng chính xác hơn, việc tra cứu thông tin sẽ nhanh và chính xác hơn, lưu trữ hồ sơ sẽ dễ dàng mà dễ tìm hồ sơ tài liệu hơn khi cần...

Thứ tư, cần hoàn thiện các quy định pháp luật để phù hợp với xã hội hiện nay, lường trước được những tình huống có thể xảy ra trong tương lai. Tình hình tội phạm ngày một diễn ra một cách phức tạp, tinh vi, nếu các quy định pháp luật không lường trước được những tình huống xảy ra thì rất khó trong việc phòng ngừa tội phạm như việc sẽ hình thành nhiều hành vi phạm tội mới mà luật chưa kịp điều chỉnh thì sẽ khó để xử lý những tội phạm đó.

Thứ năm, cần tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm của cơ quan tư pháp Việt Nam với các cơ quan tư pháp của các nước. Thực hiện tốt việc hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm với các cơ quan tư pháp các nước giúp ích rất nhiều cho việc cải cách tư pháp ở Việt Nam.

Yêu cầu về đấu tranh phòng chống tội phạm

Trong bối cảnh xã hội phát triển, tội phạm ngày càng có tính phức tạp và ẩn giấu, việc xác định hành vi khách quan đóng vai trò then chốt để xác định được hành vi phạm tội. Đấu tranh phòng chống tội phạm đòi hỏi các cơ quan chức năng phải chủ động, nhanh chóng phát hiện các hành vi vi phạm, đặc biệt là những hành vi “không hành động” rất khó nhận diện. Bên cạnh đó cần xây dựng các tiêu chuẩn, hệ thống chỉ số đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi nhằm phân biệt được giữa tội phạm và vi phạm pháp luật khác.

Để đấu tranh phòng chống tội phạm một cách hiệu quả, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi phạm tội phải được thực hiện một cách nghiêm khắc và đồng bộ. Điều này không chỉ nhằm răn đe người phạm tội mà còn góp phần bảo vệ quyền lợi của các tổ chức, cá nhân. Cụ thể việc xác định hành vi khách quan phải dựa trên các tiêu chí khách quan, có cơ sở chứng cứ vững chắc để truy cứu TNHS người phạm tội. Ngoài ra, cần đồng bộ trong việc áp dụng hình phạt và các biện pháp bổ sung (như cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề) giúp đảm bảo rằng người phạm tội sẽ phải chịu trách nhiệm tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi.

Một khía cạnh quan trọng trong đấu tranh phòng chống tội phạm là phòng ngừa và giáo dục. Việc nâng cao nhận thức pháp luật trong cộng đồng giúp giảm thiểu số vụ phạm tội do vấn đề nhận thức về hành vi khách quan. Qua đó, các cơ quan chức năng cần tổ chức các chiến dịch tuyên truyền, giáo dục pháp luật nhằm giúp người dân hiểu rõ các dấu hiệu của hành vi khách quan và ý nghĩa của chúng trong cấu thành tội phạm. Đồng thời hướng dẫn cụ thể về trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc phòng chống tội phạm, từ đó xây dựng nền văn hóa trách nhiệm xã hội cao.

Yêu cầu về khắc phục những hạn chế của việc xác định hành vi khách quan trong CTTP

Trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự nhiều khi các cơ quan tiến hành tố tụng chưa phối hợp tốt với nhau trong việc định tội danh cũng như quyết định hình phạt. Nhiều cán bộ trong ngành TAND, VKSND, CSĐT vẫn còn rất hạn chế về năng lực chuyên môn nghiệp vụ, cũng như thiếu sự linh hoạt trong giải quyết các công việc gây ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Nếu việc định tội danh và quyết định hình phạt không đúng thì tức không thực hiện đúng mục đích theo quy định tại Điều 3 của Hiến pháp năm 2013 là: “*Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện*”.

Ngoài ra, những hạn chế của việc xác định hành vi khách quan trong CTTP để định tội danh còn dẫn đến việc giải quyết các vụ án hình sự sẽ lâu hơn, dễ xảy ra sai sót trong các bước điều tra, truy tố, xét xử. Vì vậy, cần phải có những yêu cầu để khắc phục ngay những hạn chế này để đảm bảo được mục đích của Hiến pháp cũng như đảm bảo giải quyết các vụ án.

Yêu cầu của công cuộc hội nhập quốc tế

Toàn cầu hóa là một quá trình lâu dài, là một xu thế khách quan, có tác động đến tất cả các mặt của đời sống, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Toàn cầu hóa có nhiều tác động tích cực và tiêu cực đến tất cả quốc gia trên toàn thế giới. Toàn cầu hóa thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa các lực lượng sản xuất đưa lại sự tăng trưởng kinh tế cao cho tất cả các quốc gia. Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng tác động đến nhiều mặt, hoạt động và đời sống con người trở nên kém an toàn, từ an toàn kinh tế, tài chính; văn hóa, xã hội; môi trường và an toàn chính trị. Một trong những vấn đề đó là sự hình thành và phát triển của tội phạm. Do đó, Việt Nam cần phải điều chỉnh, cập nhật các quy định của BLHS sao cho phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và các công ước pháp lý mà Việt Nam đã ký kết.

2. Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự liên quan đến hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm

Từ những phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định liên quan đến dấu hiệu hành vi khách quan trong CTTP, qua đó đã chỉ ra những vướng mắc, bất cập trong việc xác định dấu hiệu này trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự. Xuất phát từ sự cần thiết của việc hoàn thiện các quy định pháp luật về

dấu hiệu này, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện các quy định của BLHS liên quan đến hành vi khách quan trong CTTP như sau:

Một là, các cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật hướng dẫn cụ thể một số tình tiết định tội, định khung hình phạt liên quan đến hành vi khách quan trong CTTP, chẳng hạn như:

Về tội “Giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ” (Điều 124 BLHS), cần có văn bản hướng dẫn đối với hành vi vứt bỏ con mới đẻ dẫn đến trẻ chết với hành vi giết con mới đẻ hoặc thống nhất về mặt nhận thức : chỉ được coi là hành vi vứt bỏ con mới đẻ dẫn đến đứa trẻ chết nếu người mẹ không mong muốn mà chỉ chấp nhận hậu quả đó (như hành vi vứt con ở cổng chùa, bệnh viện,...). Những hành vi thể hiện mong muốn của người mẹ là đứa trẻ chết thì phải bị truy cứu về tội “Giết con mới đẻ” (như hành vi vứt con ở rừng sâu, hồ gas, nghĩa trang, nơi ít người qua lại, quan sát,...).

Bên cạnh đó, các cơ quan tiền hành tổ tụng liên ngành Trung ương cần có sự rà soát, ban hành văn bản chính thức hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên” trong từng điều luật của BLHS năm 2015. Trên cơ sở đó, xác định khung hình phạt một cách chính xác, phản ánh đúng tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị can, tránh việc hiểu và áp dụng không thống nhất như ở hiện nay, đảm bảo không làm oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, đáp ứng yêu cầu về cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay³³.

Hai là, kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung một số quy định cụ thể trong BLHS cũng như các văn bản pháp luật có liên quan như sau:

Sửa đổi quy định của BLHS về tội Đe dọa giết người để mô tả đúng hành vi khách quan trong CTTP của tội phạm này. Theo quy định hiện nay thì hành vi khách quan cấu thành tội phạm này được xác định là hành vi đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc “đe dọa này” sẽ không hợp lý. Vì bản thân hành vi “đe dọa này” đã được thực hiện, người bị đe dọa lo sợ chính là việc giết người (hành vi tước đoạt tính mạng của người bị đe dọa) được người phạm tội. Do đó, Điều 133 BLHS sẽ được sửa đổi như sau :

“Điều 133. Tội đe dọa giết người

1. Người nào đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc *giết người* sẽ được thực hiện,...

³³ Dương Văn Thịnh (2019), *Cần thống nhất nhận thức áp dụng tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định của BLHS năm 2015*, Cổng thông tin điện tử Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao

Bổ sung thêm quy định “*hành vi buộc người dưới 16 tuổi trực tiếp chứng kiến các hành vi tình dục*” là hành vi khách quan trong CTTTP của tội Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi.

Sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐTP theo hướng làm rõ nội dung: “*Mọi hành vi dâm ô đều phải là hành vi “có tính chất tình dục” bao gồm cả những hành vi dưới đây...*”.

Có thể xem xét sửa đổi, bổ sung quy định về tội Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản trong BLHS theo hướng tách Điều 178 thành hai tội riêng biệt, đó là tội Cố ý hủy hoại tài sản và tội Cố ý làm hư hỏng tài sản, đồng thời cần mô tả rõ ràng mặt khách quan của hai tội danh này và xây dựng chế tài hình phạt của hai tội này khác nhau, theo hướng giảm bớt hình phạt đối với tội cố ý làm hư hỏng tài sản, vì chế tài của tội cố ý làm hư hỏng tài sản được đặt chung với chế tài của tội hủy hoại tài sản là chưa thật sự phù hợp. Hành vi hủy hoại có tính nguy hiểm cao hơn hành vi cố ý làm hư hỏng, hai tội danh này được ghép trong một điều luật đã tạo ra bất hợp lý khi áp dụng³⁴.

Bổ sung các quy định đối với hành vi xúi giục người khác thực hiện tội phạm trong trường hợp chuẩn bị phạm tội. Như đã đề cập, trong thực tiễn sẽ không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với người xúi giục có những hành vi kích động, dụ dỗ, thúc đẩy việc thực hiện tội phạm những tội phạm chưa xảy ra do những nguyên nhân ngoài ý muốn. Điều này tạo ra kẽ hở pháp lý cho những trường hợp người xúi giục đã thực hiện hành vi của mình nhưng chưa có ai thực hiện theo sự xúi giục (không có người thực hành) lại không phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong bối cảnh mạng xã hội phát triển như hiện nay, một cá nhân với sức ảnh hưởng lớn đến cộng đồng có thể công khai kêu gọi hàng ngàn người thực hiện hành vi bạo lực hoặc phạm pháp. Nếu chỉ nhờ sự răn đe của pháp luật hoặc sự tỉnh táo của cộng đồng mà không ai làm theo thì người kêu gọi ấy lại không phải chịu trách nhiệm hình sự. Thực tế này rõ ràng chưa đảm bảo tính phòng ngừa và thiếu tính răn đe. Do đó, để đảm bảo các yêu cầu của pháp luật hình sự, cần sửa đổi, bổ sung một số nội dung của BLHS quy định về trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi xúi giục trên không gian mạng hoặc dưới hình thức khác (có căn cứ xác định sự xúi giục đó mang tính kích động cùng lúc đến nhiều người để thực hiện một tội phạm cụ thể) nhưng tội phạm không được thực hiện vì những nguyên nhân ngoài ý muốn. Đồng thời quy định hành vi này như là một dạng hành vi chuẩn bị phạm tội. Trên cơ sở đó, đề xuất sửa đổi Điều 14 BLHS như sau:

³⁴ Võ Văn Quang – Lê Văn Nông (2023), *Thực tiễn áp dụng Điều 178, Bộ luật Hình sự năm 2015*, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam

“Điều 14. Chuẩn bị phạm tội

...

Người xúi giục người khác thực hiện một tội phạm dù chưa đưa đến việc thực hiện tội phạm nhưng có căn cứ xác định hành vi đó kích động nhiều người thì cũng bị xử lý theo quy định tại Điều này”

Bổ sung các quy định về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hoặc tình tiết định khung hình phạt tăng nặng đối với hành vi xúi giục người khác thực hiện tội phạm trên không gian mạng. Mặc dù BLHS hiện hành không trực tiếp quy định “trên không gian mạng” là tình tiết tăng nặng chung, nhưng nhà làm luật có thể xem xét bổ sung vào Điều 52 BLHS một tình tiết tăng nặng mới, chẳng hạn: “*Sử dụng không gian mạng để xúi giục người khác phạm tội*”. Điều này phản ánh đúng thực tiễn là xúi giục trên không gian mạng có sức ảnh hưởng và nguy hiểm nhất định so với xúi giục trực tiếp giới hạn trong phạm vi hẹp. Một bài viết kích động trên mạng có thể tác động đồng thời đến hàng nghìn người, gây ra hiệu ứng lan rộng, định hướng hành vi của nhiều người. Do đó, việc bổ sung tình tiết tăng nặng như vậy sẽ giúp tòa án có căn cứ pháp lý để tuyên loại và mức hình phạt nghiêm khắc hơn đối với người sử dụng không gian mạng làm phương tiện xúi giục người khác phạm tội. Song song, trong các điều luật về tội phạm cụ thể, có thể bổ sung khoản định khung tăng nặng liên quan đến trường hợp xúi giục người khác phạm tội trên không gian mạng như “*Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử xúi giục người khác phạm tội*”. Hiện nay, một số tội danh trong BLHS 2015 đã có định khung tăng nặng cho hành vi sử dụng không gian mạng (ví dụ như tội Đánh bạc³⁵). Tuy nhiên, cần thiết có thể bổ sung tình tiết “*sử dụng mạng...xúi giục...*” để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới.

Sửa đổi Điều 290 BLHS năm 2015 theo hướng bỏ cụm từ “*nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này*”. Qua đó, khi định tội danh đối với tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thì áp dụng như sau: Nếu người phạm tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm đ khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015, thì hoàn toàn thỏa mãn các dấu hiệu của tội danh này; Nếu không thỏa mãn yếu tố cấu thành của tội này, nhưng thỏa mãn CTTTP quy định tại Điều 173 hoặc Điều 174

³⁵ Điểm c khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

BLHS năm 2015 thì xử lý về tội Trộm cắp tài sản hoặc tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ba là, đề xuất Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có thể xây dựng, phát triển thành án lệ từ một số tình tiết như sau:

Vụ án về tội Trộm cắp tài sản với có thủ đoạn gian dối, cần phân biệt hành vi khách quan giữa tội Trộm cắp tài sản với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đề xuất với nội dung án lệ như sau:

“Theo lời khai của ông Kang Chan J cho thấy khi ra khỏi quán Bar để nói chuyện với bạn thì ông Kang Chan J vẫn để túi xách tại bàn và không giao cho ai trong bàn quản lý túi xách: “Khi tôi đứng dậy ra ngoài, túi xách vẫn để trên ghế của tôi... tôi không nói hay nhờ N quản lý dùm tài sản của tôi...”. Lời khai của ông Kang Chan J phù hợp với lời khai của chị N về việc ông J để túi xách tại nơi ăn uống, không giao cho chị N quản lý và việc chị N giao túi xách cho bị cáo là do nhầm tưởng bị cáo Hong Chun K là bạn của ông J: “Trong lúc ăn uống tại đây, ông Kang Chan J có để túi xách cầm tay tại bàn bên trong quán và đi ra bên ngoài nói chuyện với bạn ông Kang Chan J. Lúc đi ra ngoài ông Kang Chan J không giao túi xách cầm tay của ông cho tôi cũng như không nhờ tôi quản lý...” và “Có một người đàn ông Hàn Quốc đến bảo đưa bóp và điện... tôi tin tưởng là bạn của ông K nên đã đưa cái ví da cho người này”. Các lời khai của những người cùng bàn ăn uống với ông Kang Chan J cũng thể hiện ông J không giao cho ai quản lý túi xách của ông thoại

Do đó, chị Trần Thị Bích N và những người cùng bàn ăn uống không phải là người quản lý hợp pháp túi xách của ông K. Tuy bị cáo Hong Chun K đưa ra những thông tin gian dối và công khai chiếm đoạt như: Hỏi mọi người: “đâu” và khi chị N hỏi lại có phải “Cái bóp và điện thoại của người Hàn Quốc cái túi xách của ông Kang Chan J không thì bị cáo ra hiệu đúng làm cho chị N tin tưởng lấy túi xách đưa cho bị cáo nhưng chị N không phải là chủ sở hữu hoặc người quản lý túi xách của ông K Chan J; đây là thủ đoạn để thực hiện ý định chiếm đoạt của bị cáo và khi chị N giao túi xách thì chủ tài sản là ông J không biết mình bị lừa dối nên hành vi của bị cáo Hong Chun K không phải là hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết.

Bị cáo Hong Chun K lợi dụng lúc ông Kang Chan J ở nơi khác, lợi để dụng sơ hở của chủ sở hữu, người quản lý tài sản (túi xách) “6h sau khi ngủ dậy chiếm đoạt và khi bị cáo chiếm đoạt túi xách thì ông Kang Chan J không biết: thì tôi phát hiện túi xách tôi không có, tôi điện thoại cho N hỏi...”. Như vậy, bị cáo Hong Chun K chiếm đoạt túi xách một cách lén lút đối với người chủ sở hữu, người quản lý tài sản là ông J nên hành vi của bị cáo là hành vi trộm cắp. Do đó,

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng khởi tố bị cáo Hong Chun K về tội “Trộm cắp tài sản” và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Hong Chun K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là không phù hợp với hành vi phạm tội và không đúng pháp luật.³⁶”

Về dấu hiệu đồng phạm giúp sức trong tội “Giết người”, đề xuất với nội dung án lệ như sau:

“Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì mục đích Nguyễn Thanh M rủ các đối tượng này đi cùng là để tìm đánh anh Q, các đối tượng này tiếp nhận ý chí và chuẩn bị hung khí (dao, bóng đèn tuýp) để đi cùng Nguyễn Thanh M. Khi đến trước nhà anh Quốc, Nguyễn Thanh M cùng các đối tượng Nguyễn Thanh T, Huỳnh Bảo L1 và Phan Thành L mỗi người cầm một con dao đi vào sân nhà anh Q còn các đối tượng Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn Vũ T1, Trần Khánh H2, Võ Tiến P, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thiện N và Nguyễn Thanh H1 đứng bên ngoài cổng nhà anh Q, lúc này nhà anh Q đang đóng cửa. M cầm dao đứng trước cửa chính gọi anh Q, khi anh Q vừa mở cửa thì M dùng dao đâm 01 nhát vào ngực anh Q làm anh Q tử vong. Các đối tượng L1, L và T xông vào dùng dao chém vào cửa sổ, cửa ra vào nhà anh Q. Sau đó, cả nhóm quay ra lấy xe máy bỏ chạy.

Như vậy, các đối tượng đi cùng có dấu hiệu đồng phạm giúp sức Nguyễn Thanh M về tội “Giết người” và phải chịu trách nhiệm chung về tội phạm đã cùng thực hiện. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa không truy cứu trách nhiệm hình sự các đối tượng này về tội “Giết người” với vai trò đồng phạm cùng Nguyễn Thanh M là không đúng quy định pháp luật.”

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự liên quan đến hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế của việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự liên quan đến hành vi khách quan trong CTTP thì ngoài việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hiện hành thì chúng tôi đề xuất thêm những biện pháp sau đây:

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước ta cần chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán về chuyên môn cũng như nghiệp vụ để đội ngũ đó đáp ứng đầy đủ các yêu cầu mà lĩnh vực tư pháp hiện nay đề ra. Nghị quyết số 08 - NQ/TW của Bộ chính trị về cải cách tư pháp đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong nhận thức của nhân dân, của các cán bộ tư pháp về tầm

³⁶ Trang tin điện tử về án lệ, Tòa án Nhân dân Tối cao

quan trọng của công tác tư pháp. Về công tác tổ chức cán bộ, công tác tổ chức bộ máy cơ quan tiến hành tố tụng cũng cần được củng cố.

Theo đó, cần tổ chức bồi dưỡng các chuyên đề khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử cho các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân các cấp. Bồi dưỡng kiến thức mới về nghiệp vụ nhằm phục vụ các hoạt động thực tiễn trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

Trước tình hình hội nhập với thế giới hiện nay thì trình độ ngoại ngữ cho những người tiến hành tố tụng cũng rất quan trọng. Tuy nhiên, những người tiến hành tố tụng hiện nay có trình độ ngoại ngữ còn hạn chế vì thế cần phải đề xuất nhiều giải pháp để cải thiện khả năng ngoại ngữ, giao tiếp với người nước ngoài của các điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán đặc biệt là phải bổ sung ngay những môn học về ngoại ngữ trong các học viện, trường đại học. Có trình độ ngoại ngữ sẽ giúp ích cho những người tiến hành tố tụng rất nhiều trong việc tiếp cận các văn bản nước ngoài như các quy định pháp luật của các nước, các bản án của các nước, cũng như việc tham dự hội thảo quốc tế sẽ dễ dàng tiếp thu tri thức cũng như kinh nghiệm của các nước. Từ đó sẽ giúp ích trong việc giải quyết các vụ án hình sự.

Đạo đức, kỹ năng nghề nghiệp của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán cần phải được trau dồi nâng cao để luôn thực hiện tốt công việc của mình, giải quyết nhanh các vụ án, truy tố, xét xử đúng người đúng tội không gây ra oan sai. Phải luôn thực hiện nghiêm túc pháp luật, không được vi phạm pháp luật, đây là một điều cấm kỵ vì là người tiến hành tố tụng thì phải thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật. Cần phải biết kiềm chế tình cảm trong khi thực hiện nhiệm vụ để tránh bộc lộ sự nóng vội làm mất đi sự tinh táo. Trong công việc phải kiên quyết và thận trọng không được vì những tư lợi mà đánh mất chính bản thân, hiện nay rất nhiều trường hợp bên bị cáo đưa hối lộ để giảm nhẹ tội, nếu vì tư lợi mà nhận hối lộ gây ra làm sai bản chất vụ án thì sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng như việc có thể gây oan sai, làm sai lệch không đúng bản chất vụ án. Các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán còn phải dũng cảm nhận thiếu sót khuyết điểm khi làm sai, không che giấu cái sai của mình, nếu sợ sai mà che giấu không dám nhận cái sai của mình thì những người tiến hành tố tụng đó sẽ rất khó để có một kiến thức cũng như kinh nghiệm vững vàng giải quyết các công việc. Về lâu về dài, sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc giải quyết các vụ án vì họ chỉ đi theo lối sai của mình mà không biết cách khắc phục.

Thứ hai, song song với việc đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho những người tiến hành tố tụng thì cơ sở vật chất cho các cơ quan tiến hành tố tụng cũng cần phải được bổ sung đầy đủ. Đảng và Nhà nước cần phải có những chính sách để

nâng cao điều kiện vật chất, điều kiện sinh hoạt cũng như nâng cao điều kiện sống cho các cán bộ tư pháp. Ở một môi trường có đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất giúp những cán bộ tư pháp chuyên tâm thực hiện công việc của mình hơn. Hiện nay tội phạm đang diễn ra phổ biến hơn đặc biệt tội phạm ma túy, tội phạm công nghệ cao thì việc tăng cường cơ sở vật chất sẽ giúp việc phá án nhanh hơn và chính xác hơn phù hợp với yêu cầu hiện nay để phòng chống tội phạm. Hơn nữa, các phòng ban cần được bổ sung các trang thiết bị cần thiết cho sinh hoạt hàng như bổ sung các hộp y tế, điều hòa, bình nóng lạnh ở các phòng ban vì hiện nay nhiều cơ quan còn chưa có điều hòa gây khó chịu cho các cán bộ trong những ngày hè, mùa đông chưa có nóng lạnh gây ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, sức khỏe của các cán bộ tư pháp. Những điều đó tuy nhỏ nhưng nếu đáp ứng đầy đủ thì việc giải quyết các vụ án sẽ được tiến hành thuận lợi và đảm bảo tính chính xác hơn.

Thứ ba, cần có chính sách đãi ngộ về tiền lương, tiền thưởng cho các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán. Hiện nay, chế độ tiền lương của công chức làm việc trong cơ quan CSĐT, VKSND, TAND vẫn còn thấp chưa đáp ứng được những nhu cầu cuộc sống sinh hoạt trên thành phố lớn như ở Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh...trong khi lương còn thấp nhưng trách nhiệm của họ phải gánh vác rất nặng nề làm ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật. Việc tăng tiền lương, tiền thưởng cũng như tiền phụ cấp sẽ góp phần đáng kể để xây dựng một đội ngũ cán bộ công chức các ngành tư pháp trong sạch, vững mạnh, ít xảy ra tiêu cực vì tư lợi cá nhân.

Theo chúng tôi, hiện nay mức lương phải phù hợp với xã hội hiện nay, ngoài tiền lương thì cần tăng tiền thưởng cho các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán giải quyết tốt các vụ án mà họ được phân công. Phải vậy thì những người tiến hành tố tụng mới ít vì tư lợi cá nhân mà nhận hối lộ làm sai lệch vụ án.

Thứ tư, tăng cường xây dựng ngành, đảm bảo đội ngũ cán bộ, công chức ngành TAND, VKSND trong sạch vững mạnh, có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn vững vàng. TAND, VKSND cần thường xuyên rà soát đánh giá đội ngũ cán bộ để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ. Cần phân loại các cán bộ để bố trí vào những vị trí, công việc phù hợp nhất để họ dễ dàng phát huy sở trường của mình trong quá trình giải quyết công việc.

Việc tuyển dụng công chức, viên chức các ngành TAND, VKSND cần phải chọn lọc kỹ càng hơn, các yêu cầu cần phải khắt khe hơn để tuyển chọn được những cán bộ chất lượng nhất, vững mạnh và trong sạch để phục vụ cho nhân dân được tốt nhất. Chúng tôi đề xuất phương án tuyển dụng công chức, viên chức các ngành TAND, VKSND cần theo hướng: i) Ưu tiên cộng điểm các đối tượng có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ, Phó giáo sư, Giáo sư,... vì như vậy mới thu hút được các

nhân tài vào ngành khi đó mới có được lực lượng các ngành TAND, VKSND chất lượng; ii) Cần có những buổi khám sức khỏe gắt gao để chọn lọc được những cá nhân có sức khỏe tốt vào trong làm việc vì công việc này đòi hỏi người tham gia phải có sức khỏe tốt, tuy nhiên hiện nay khám sức khỏe vào các ngành TAND, VKSND còn diễn ra chưa đúng tiêu chí, có nhiều trường hợp khám qua loa dẫn đến việc nhiều cán bộ hiện nay không đủ sức khỏe để thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao, gây ảnh hưởng lớn đến việc xử lý các vụ án hình sự.

Thứ năm, cần tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật.

Kết quả phân tích và đánh giá thực tiễn xác định hành vi khách quan trong CTTP cho thấy, một trong những nguyên nhân đưa đến những sai sót trong định tội danh là do những vướng mắc của thực tiễn chưa được kịp thời giải thích nhằm bảo đảm sự thống nhất trong thực tiễn định tội danh. Vướng mắc khá phổ biến là sự nhận thức và đánh giá chưa thống nhất về dấu hiệu hành vi khách quan, còn nhầm lẫn giữa các hình thức hành vi khách quan khác nhau. Để bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật trong việc xác định đúng đắn dấu hiệu hành vi khách quan là cơ sở định tội danh, chúng tôi cho rằng nên tổng kết thực tiễn định tội danh đặc biệt chú ý đến việc xác định dấu hiệu hành vi khách quan và đưa ra danh mục các trường hợp phổ biến xác định dấu hiệu này.

Các cơ quan có thẩm quyền cần chú trọng trong việc ban hành những văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật như Thông tư liên ngành, Nghị quyết, công văn hướng dẫn thực hiện luật và hướng dẫn việc xác định dấu hiệu hành vi khách quan đối với mỗi tội danh một cách thống nhất nhằm giải quyết những khó khăn trong thực tiễn áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng. Tức là hoàn thiện theo hướng có những quy định cụ thể, cần thiết về các dạng hành vi khách quan đối với từng tội phạm cụ thể.

Thứ sáu, nâng cao trình độ người áp dụng pháp luật.

Để góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm thì nhân tố con người là quan trọng nhất, nó quyết định đến chất lượng, hiệu quả của công tác này. Do đó, cần thiết phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ theo hướng chuyên môn hóa, đồng thời tăng cường công tác quản lý cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng trong đó có ngành Tòa án.

Trước hết cần thay đổi nhận thức của những người tiến hành tố tụng như Điều tra viên, kiểm sát viên và nhất là đội ngũ Thẩm phán. Chừng nào những người tiến hành tố tụng chưa nhận thức toàn diện về dấu hiệu hành vi khách quan thì sẽ vẫn còn xảy ra tình trạng xử lý tội phạm không triệt để, bỏ lọt tội phạm hoặc oan sai. Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao cần

có kế hoạch thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ mang tính chất chuyên sâu cho đội ngũ những người tiến hành tố tụng, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động nghiệp vụ để kịp thời phát hiện xử lý sai phạm, tránh xảy ra tình trạng oan sai trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự.

Cùng với những hoạt động trên, tăng cường công tác quản lý cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng cũng là một giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng pháp luật. Cần tăng cường bồi dưỡng, bổ sung kiến thức chuyên môn, năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các địa phương, đội ngũ này phải có quan điểm chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt. Các cơ quan tiến hành tố tụng phải thường xuyên rà soát, đánh giá phẩm chất, năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ công chức, đảm bảo luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Quan tâm xây dựng, thực hiện tốt chế độ, chính sách đãi ngộ phù hợp với đội ngũ cán bộ tư pháp, đặc biệt là những người có chức danh tư pháp.

Cần đổi mới và xây dựng hệ thống chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ tư pháp (nhất là chính sách tiền lương, nhà ở và các chế độ, chính sách đặc thù) một cách nhất quán, công bằng, có lý có tình, nhằm thực sự khuyến khích những cán bộ có tài, có đức, trân trọng những thành tích của họ phù hợp với điều kiện chung của đất nước, của từng ngành.

Bên cạnh đó, không ngừng nâng cao vai trò, trách nhiệm, tăng cường mối quan hệ phối hợp của các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan chức năng trong nhất là trong lĩnh vực phòng chống tội phạm. Trong thực tiễn tội phạm xảy ra rất đa dạng, phức tạp và ngày càng tinh vi, trong hoạt động áp dụng pháp luật rất cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, các ngành, các cấp nhằm đảm bảo quá trình giải quyết vụ án được nhanh chóng. Hiện nay, sự phối hợp trong hoạt động tố tụng hình sự giữa các cơ quan tiến hành tố tụng có trường hợp chưa kịp thời, hướng xử lý một số loại tội phạm chưa có quan điểm thống nhất. Vì vậy, giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cần thiết lập cơ chế hợp tác, phối hợp để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Thứ bảy, bên cạnh việc xây dựng củng cố các cơ quan tư pháp thì cũng cần phải xây dựng các cơ quan tổ chức hỗ trợ tư pháp vững mạnh, đặc biệt là cơ quan giám định tư pháp. Trong việc xác định dấu hiệu hành vi khách quan trong CTTTP, phục vụ hiệu quả công tác định tội danh thì hoạt động trưng cầu giám định có vai trò rất quan trọng. Do đó, các cơ quan giám định tư pháp phải thực hiện tốt công tác hỗ trợ tư pháp. Kết luận giám định luôn được xác định là căn cứ quan

trọng giúp cơ quan điều tra đánh giá chính xác hành vi khách quan và các dấu hiệu khác. Từ đó đưa ra kết luận điều tra một cách chính xác, khách quan. Do đó, trong thời gian tới tiếp tục đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, máy móc phục vụ công tác giám định tư pháp. Nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn cho giám định viên. Tích cực phối hợp giữa cơ quan điều tra với các cơ quan hỗ trợ tư pháp nhằm giải quyết hiệu quả các vụ án hình sự.

4. Một số giải pháp khác

Một là, cần hoàn thiện hệ thống thu thập số liệu, thống kê theo dõi việc xử lý các vụ việc có liên quan đến trường hợp vướng mắc trong việc xác định hành vi khách quan trong CTTTP.

Số liệu thống kê có ý nghĩa quan trọng giúp cho các cơ quan xây dựng pháp luật và chính sách cập nhật về các xu hướng và loại hình tội phạm, “cảnh báo” những hoạt động tổ tụng trong đó có định tội danh và quyết định hình phạt.

Trong mẫu thống kê tội phạm, việc xác định chính thức số tội phạm không phụ thuộc vào chủ thể tiến hành công tác thống kê hay phương tiện áp dụng cho công tác thống kê mà phụ thuộc vào những quy định có tính chất pháp lý đối với công tác thống kê tội phạm nhằm phản ánh tình hình tội phạm nói chung, đánh giá kết quả công tác của cơ quan tư pháp, tổng kết và ghi chép đầy đủ số tội phạm để từ đó có biện pháp, phương pháp xác định nhằm ngăn chặn và xử lý. Hiện nay, các cơ quan tiến hành tố tụng đã có hệ thống thống kê riêng nhưng tiêu chí thống kê giữa các cơ quan này lại không thống nhất, nằm rải rác trong những biểu mẫu thống kê hình sự, thậm chí có cả thống kê kết quả công tác.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là khâu đầu tiên của quá trình thi hành pháp luật và có vai trò hết sức quan trọng trong việc tăng cường pháp chế XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Xuất phát từ vai trò, ý nghĩa quan trọng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác này. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới chỉ rõ cần: “*Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với nhiều hình thức phong phú, sinh động, đặc biệt là thông qua các phiên tòa xét xử lưu động và bằng những phán quyết công minh để tuyên truyền, nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ và nhân dân*”. Hay tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã chỉ rõ: “*Phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với hoạt động tư pháp. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo*

dục pháp luật; không ngừng nâng cao trình độ dân trí pháp lý, ý thức sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật cho mọi người dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên tập trung làm tốt công tác động viên nhân dân phát hiện những hạn chế, khuyết điểm trong hoạt động tư pháp, qua đó kiến nghị với các cơ quan tư pháp khắc phục, sửa chữa. Tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, cung cấp thông tin về hoạt động tư pháp”. Công tác này phải mang tính thường xuyên, liên tục, đòi hỏi phải có sự nỗ lực, phối hợp của tất cả các cấp, các ngành nhằm làm tăng tính hiệu lực, hiệu quả của các văn bản pháp luật và nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật cho nhân dân, từ đó tạo cho họ có ý thức tôn trọng pháp luật, chấp hành pháp luật.

Do đó phương hướng nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động xét xử các vụ án hình sự nói riêng của ngành TAND phải phù hợp với định hướng mà Đảng ta đã đề ra, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng pháp luật, góp phần hạn chế, ngăn ngừa tội phạm.

Ba là, cần đưa việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc xử lý các vụ án hình sự mà trong đó đặc biệt là xác định hành vi khách quan trong CTTTP. Hiện nay, việc áp dụng được công nghệ thông tin giúp ích rất nhiều cho những người tiến hành tố tụng trong việc trao đổi thông tin vụ án, giải quyết nhanh các vụ án hơn, tiết kiệm được thời gian, công sức, chi phí đi lại giữa những người tiến hành tố tụng. Vì vậy, hiệu suất làm việc của những người tiến hành tố tụng tăng lên đáng kể, góp phần giải quyết nhanh và chính xác các vụ án hình sự.

KẾT LUẬN

Trong mặt khách quan của CTTP, hành vi khách quan là dấu hiệu bắt buộc của mọi tội phạm cũng như là dấu hiệu cơ bản, làm cơ sở xác định các dấu hiệu khác. Đồng thời, dấu hiệu này trong một số trường hợp là căn cứ định khung hình phạt của một số tội phạm hoặc được xác định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do vậy, việc xác định hành vi khách quan trong CTTP là điều kiện quan trọng để đảm bảo cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội được chính xác và quyết định hình phạt phù hợp đối với người bị kết án theo quy định của pháp luật.

Mặc dù hành vi khách quan trong CTTP có vai trò quan trọng như vậy nhưng trong thực tiễn pháp luật việc quy định các dấu hiệu thuộc về mặt khách quan của tội phạm nói chung và dấu hiệu này nói riêng trong một số CTTP vẫn còn có những bất cập, hạn chế nhất định, như quy định về dấu hiệu này chưa rõ ràng, cụ thể, thiếu thống nhất dẫn đến tình trạng người tiến hành tố tụng hiểu sai, áp dụng sai hay không thống nhất trong định tội danh và quyết định hình phạt. Từ đó, làm cho hiệu quả, chất lượng giải quyết vụ án hình sự hạn chế, tình trạng lúng túng, thiếu sự thống nhất về nhận thức pháp luật vẫn còn tồn tại; nhiều vụ án hình sự không được giải quyết theo trình tự luật định dẫn đến tình trạng tồn đọng án...

Vì vậy, để nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án mà đặc biệt là hoạt động định tội danh và định khung hình phạt, việc xác định chính xác hành vi khách quan trong CTTP có ý nghĩa rất quan trọng, mang tính cấp thiết. Do đó, cần kịp thời có văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật của cơ quan có thẩm quyền trong việc xác định hành vi khách quan trong CTTP một cách cụ thể, thống nhất. Không ngừng đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cũng như cải tiến phương pháp làm việc của cơ quan tiến hành tố tụng.

Chuyên đề đã đưa ra những kết quả nghiên cứu lý luận về hành vi khách quan trong CTTP, những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự liên quan đến việc xác định dấu hiệu này. Từ đó đưa ra một số ý kiến trao đổi cũng như góp ý nhằm hoàn thiện BLHS, các văn bản hướng dẫn, giải thích pháp luật cũng như đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của BLHS liên quan đến dấu hiệu hành vi khách quan trong CTTP. Kính mong được sự quan tâm của độc giả và đồng nghiệp nghiên cứu, tham khảo, góp ý.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Cẩm (2005), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội;
2. Lê Cẩm, Trịnh Quốc Toàn (2004), *Định tội danh: Lý luận, hướng dẫn mẫu và 350 bài tập thực hành*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội;
3. Lê Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Sách chuyên khảo sau đại học, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội;
4. Lê Văn Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Sách chuyên khảo sau đại học, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội;
5. Lê Cẩm (2010), *Giáo trình Luật Hình sự*, Đại học Quốc gia Hà Nội;
6. Nguyễn Ngọc Chí (2021), *Phân tích trách nhiệm hình sự dưới góc độ cấu thành tội phạm*, Tạp chí Luật học, số 3;
7. Phí Thành Chung (2016), *Trách nhiệm hình sự của đồng phạm trong các giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm và trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội*, Tạp chí Luật học, số 1/2016;
8. Hoàng Ngọc Công (2022), *Bàn về việc định tội danh đối với hành vi “Giết người” hay “Cố ý gây thương tích”*, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam;
9. Cục Đào tạo – Bộ Công an (2021), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần những quy định chung)*, dùng chung đào tạo trình độ đại học trong Công an nhân dân, Nxb Lao Động, Hà Nội;
10. Lê Văn Đệ (2010), *Định tội danh và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
11. Nguyễn Ngọc Hoà (2004), *Cấu thành tội phạm - Lý luận và thực tiễn*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;
12. Nguyễn Ngọc Hòa (2006), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Tập I*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
13. Nguyễn Ngọc Hòa (2008), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
14. Nguyễn Ngọc Hòa (2018), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017 – Phần các tội phạm)*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;
15. Quốc hội (2017), *Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội;
16. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt*

Nam năm 2013, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội;

17. Nguyễn Mạnh Hùng (2018), *Các nguyên tắc cơ bản trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Pháp luật, số 5;

18. Vũ Thành Huy (2022), *Mai Ngọc C có phạm tội đe dọa giết người theo Điều 133 BLHS 2015*, Tạp chí điện tử Tòa án nhân dân;

19. Trần Minh Hường (2014), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội;

20. Dương Tuyết Miên (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội;

21. Đinh Thị Nguyễn – Chiêm Phong Phi (2022), *Hành vi thành lập, tham gia nhóm tội phạm trong bộ luật hình sự năm 2015 – So sánh với Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và một số kiến nghị*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Trường Đại học Bình Dương – Tập 5, số 2/2022;

22. Cao Thị Oanh - Lê Đăng Doanh (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự 2015*, Nxb Hồng Đức;

23. Võ Văn Quang – Lê Văn Nông (2023), *Thực tiễn áp dụng Điều 178, Bộ luật Hình sự năm 2015*, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam;

24. Dương Văn Thịnh (2019), *Cần thống nhất nhận thức áp dụng tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định của BLHS năm 2015*, Cổng thông tin điện tử Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao;

25. Trần Đoàn Thanh Thịnh (2023), *Một số vấn đề về Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi*, Trang điện tử Tạp chí Tòa án nhân dân;

26. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

27. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội;

28. Tân Trường (2020), *Người mẹ nhẫn tâm bỏ con vừa sinh ở hố gas dưới nắng nóng đối diện bản án nào? <https://baomoi.com/nguoi-me-nhan-tam-bo-con-vua-sinh-o-ho-gas-duoi-nang-nong-doi-dien-ban-an-nao/c/35341168.epi>*;

29. Trịnh Quốc Toàn (1999), *Một số vấn đề lý luận về định tội danh và hướng dẫn phương pháp định tội danh*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội;

30. Nguyễn Hồng Tư (2024), *Khó khăn, vướng mắc trong việc xác định tội danh đối với tội “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện*

điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và “tội Trộm cắp tài sản”,
<https://vkstuyenquang.gov.vn>;

31. Nguyễn Tứ (2022), *Bàn về việc áp dụng quy định “phạm tội 02 lần trở lên” và “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”*, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam;

32. Phùng Thế Vắc, Trần Văn Luyện, Lê Văn Thư, Nguyễn Mai Bộ, Phạm Thanh Bình, Nguyễn Ngọc Hà, Phạm Thị Thu (2018), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 – Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

33. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;

34. Viện nghiên cứu chiến lược và khoa học Bộ Công an (2005), *Từ điển bách khoa Công an nhân dân Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CẤU THÀNH TỘI PHẠM VÀ HÀNH VI KHÁCH QUAN TRONG CẤU THÀNH TỘI PHẠM.....	3
I. NHẬN THỨC CHUNG VỀ CẤU THÀNH TỘI PHẠM	3
1. Khái niệm	3
2. Đặc điểm của cấu thành tội phạm	4
3. Các yếu tố cấu thành tội phạm	6
II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI KHÁCH QUAN TRONG CẤU THÀNH TỘI PHẠM.....	7
1. Khái niệm và đặc điểm của hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm.....	7
2. Ý nghĩa của việc xác định hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm	14
3. Các dạng hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm	16
4. Hành vi khách quan trong trường hợp tội phạm chưa hoàn thành và đồng phạm.....	19
Chương 2. THỰC TIỄN XÁC ĐỊNH HÀNH VI KHÁCH QUAN TRONG CẤU THÀNH TỘI PHẠM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.....	25
I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG THỰC TIỄN XÁC ĐỊNH HÀNH VI KHÁCH QUAN TRONG CẤU THÀNH TỘI PHẠM	25
1. Thực tiễn áp dụng các quy định về hành vi khách quan trong việc xác định cấu thành tội phạm cơ bản và định khung hình phạt	25
2. Một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hành vi khách quan trong trường hợp tội phạm chưa hoàn thành	40
3. Một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hành vi khách quan trong trường hợp đồng phạm	44
II. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH VI KHÁCH QUAN TRONG CẤU THÀNH TỘI PHẠM.....	49
1. Các yêu cầu đối với việc xác định hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm	49

2. Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự liên quan đến hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm.....	51
3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự liên quan đến hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm.....	56
4. Một số giải pháp khác	61
KẾT LUẬN	63

thuvienso.dhcs.vn